

Số: 140/QĐ-MNĐM

Đông Mai, ngày 27 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Nghị định quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của chương trình giáo dục Mầm non ban hành kèm theo thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông số 28/2016/TT - BGDĐT ngày 30/12/2016 của bộ trưởng bộ giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số 626/KH-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Kế hoạch chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ là trung tâm giai đoạn 2021- 2025”;

Căn cứ Thông tư số 45/2021/T-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ vào quyết định số 2324/QĐ-UBND tỉnh Quảng Ninh ngày 09/8/2024 “V/v ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh”.

Căn cứ vào điều kiện, tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương, Trường mầm non Đông Mai xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 cụ thể như sau:

### I. BỐI CẢNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

#### 1. Bối cảnh bên ngoài

##### 1.1. Thời cơ

- Thực hiện nghị quyết đại hội Đại biểu Đảng bộ Thị xã Quảng Yên lần thứ XXI, Nhiệm kỳ 2020-2025 về xây dựng, phát triển thị xã Quảng Yên trở thành thành phố trước năm 2025, là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, cảng biển và logistics, đạt đô thị loại II trước năm 2030.

- Là trường Mầm non công lập đóng trên địa bàn phường Đông Mai, Thị Xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, trường Mầm non Đông Mai có nhiều khu công nghiệp phát triển cho nên đời sống dân cư ổn định, mật độ sống tập trung nên rất thuận lợi cho việc đi lại học tập của trẻ và gia đình. Nhu cầu của cha mẹ học sinh gửi con tại trường và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng ngày càng tăng.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

- Thị xã Quảng Yên là thị xã có truyền thống văn hoá với nhiều di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, đây cũng chính là điều kiện có thể giúp cho trẻ, giáo viên và nhà trường có nhiều cơ hội được tham quan, học tập, vận dụng phù hợp vào kế hoạch phát triển chương trình và đáp ứng được mục tiêu giáo dục của nhà trường đề ra một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

## **1.2. Thách thức**

- Xã hội ngày càng phát triển và hội nhập vì thế đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục trong nhà trường phải luôn được nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường Mầm non Đông Mai cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn thị xã Quảng Yên nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

## **2. Bối cảnh bên trong**

### **2.1. Điểm mạnh**

- Trường Mầm non Đông Mai có bề dày truyền thống, là trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ I và Kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2. Có uy tín trong chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non, được xã hội và cộng đồng ghi nhận.

- Trường luôn nhận được sự quan tâm của các cấp chính quyền lãnh đạo thành phố, địa phương và phòng GD quan tâm và luôn sâu sát trong công tác chỉ đạo, tạo mọi điều kiện hỗ trợ để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Đội ngũ: Toàn trường có 54 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Trong đó:

+ CBQL: 3 người (Trình độ ĐHSP: 3). BGH luôn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, tiếp cận các phương pháp giáo dục tiên tiến, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên: Nhà trường có 33 giáo viên đều có trình độ chuyên môn (Trong đó: ĐHSPT 23, CĐSP 08, TC 02). Đa số giáo viên có nhiều kinh nghiệm trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; yêu nghề, yêu trẻ, năng động, không ngại đổi mới và học tập ứng dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.

+ Nhân viên: Nhà trường có 18 nhân viên trong đó: Kế toán 01, Y tế 01, cô nuôi 06, bảo vệ 06, lao công 04.

- Môi trường giáo dục và các điều kiện về cơ sở vật chất<sup>1</sup>

+ Môi trường cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị dạy học, phòng học được trang bị đảm bảo số lượng, chất lượng, có các yếu tố an toàn cao, phục vụ đúng mục đích giáo dục từng độ tuổi. Nhà trường có 18 phòng học được trang bị theo hướng kiên cố, hiện đại, trang bị đầy đủ các đồ chơi theo thông tư số 02 của Bộ GD, 12 lớp được trang bị thiết bị thông minh, giúp phát huy tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó, nhà trường còn có phòng nghệ thuật, Khu vui chơi ngoài trời với các thiết bị đồ chơi thông minh để thực hiện đầy đủ các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ và giúp trẻ phát triển các năng khiếu.

+ Tiếp tục đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng đồ chơi, trang trí lớp theo chủ đề phải sáng tạo, linh hoạt và thiết thực, hiệu quả theo hướng Lấy trẻ làm trung tâm bằng việc tận dụng tối đa các nguyên vật liệu thiên nhiên và cho trẻ hoạt động hiệu quả qua việc tương tác tối đa của các giác quan để tìm ra tính chất, nội dung bài học.

+ Cây xanh, cây hoa xung quanh khuôn viên trường được phủ kín và chăm sóc thường xuyên tạo không gian thẩm mỹ, xanh sạch đẹp.

## **2.1. Điểm yếu:**

- Còn một số phòng học diện tích chật hẹp, chưa có phòng ăn riêng, trang thiết bị giáo dục và đồ dùng đồ chơi ngoài trời ít, chưa được bổ sung, sân chơi 02 điểm lẻ diện tích chật hẹp, do vậy việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường còn gặp nhiều khó khăn.

- Trường có 02 điểm lẻ cách xa khu trung tâm nên khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn; tổ chức các hoạt động chung: ngày hội ngày lễ, Hội thi...; đặc biệt khó khăn trong quản lý cơ sở vật chất.

- Cơ sở vật chất của nhà trường được xây dựng, đầu tư đã lâu nên nhiều hạng mục đã xuống cấp. Danh mục thiết bị đồ dùng, đồ chơi chưa được bổ sung kịp thời theo quy định.

- Chế độ quyền lợi của nhân viên nấu ăn chưa được đảm bảo (03 tháng hè ít học sinh phải nghỉ làm; kinh phí khám sức khỏe bắt buộc hàng năm và bảo hộ lao động không có nguồn) nên nhân viên chưa yên tâm công tác.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

---

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi; ***tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, hợp tác làm việc nhóm, tích cực, sáng tạo, hạnh phúc***; khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn; đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Chương trình giáo dục nhà trẻ:**

Chương trình giáo dục nhà trẻ nhằm giúp trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm- xã hội và thẩm mỹ.

#### **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

#### **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

#### **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

#### **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.

- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình, thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

## **2.2.Chương trình giáo dục mẫu giáo:**

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào trường tiểu học.

### **PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân

### **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.
- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

### **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết

### **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

### **PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

## **III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

### **1. Phân phối thời gian**

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong 18/18 nhóm lớp. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của trường.

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/08/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành khung Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của GDMN, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

<b>HỌC KỲ I</b>		<b>HỌC KỲ II</b>		<b>Kết thúc năm học</b>
<b>Ngày bắt đầu học kỳ</b>	<b>Ngày kết thúc học kỳ</b>	<b>Ngày bắt đầu học kỳ</b>	<b>Ngày kết thúc học kỳ</b>	
05/09/2024 (Thứ Năm)	10/01/2025 (Thứ Sáu)	13/01/2025 (Thứ Hai)	23/5/2025 (Thứ Sáu)	30/5/2025 (Thứ Sáu)

### **2. Chế độ sinh hoạt:**

#### **a. Nhà trẻ:**

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ

- Trẻ 24 - 36 tháng tuổi:
- + Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- + Ngủ: 1 giấc trưa

<b>Chế độ sinh hoạt cho trẻ 24 - 36 tháng tuổi</b>	
<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>
50 - 60 phút	Đón trẻ
110 - 120 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn phụ
50 - 60 phút	Chơi - Tập
50 - 60 phút	Ăn chính
50 - 60 phút	Chơi/Trả trẻ

**b. Mẫu giáo**

**CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ MẪU GIÁO**

<b>Thời gian</b>	<b>Hoạt động</b>
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học
40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

**IV. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ**

**1. Độ tuổi 24-36 tháng:**

<b>MỤC TIÊU</b>	<b>NỘI DUNG</b>
<b>A. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE</b>	
<b>MT1:</b> Trẻ có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. * Trẻ 24 tháng tuổi:	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi</li> <li>- Khám sức khỏe theo định kỳ</li> </ul>

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân nặng bình th- ờng:</li> <li>+ Trẻ trai: 9,7-15,3kg</li> <li>+ Trẻ gái: 9,1-14,8kg</li> <li>- Chiều cao bình th- ờng:</li> <li>+ Trẻ trai: 81,7-93,9cm</li> <li>+ Trẻ gái: 80,0 -92,9cm</li> <li>* Trẻ 36 tháng tuổi:</li> <li>- Cân nặng bình th- ờng:</li> <li>+ Trẻ trai: 11,3 -18,3kg</li> <li>+ Trẻ gái: 10,8 -18,1kg</li> <li>- Chiều cao bình th- ờng:</li> <li>+ Trẻ trai: 88,7-103,5cm</li> <li>+ Trẻ gái: 87,4 -102,7cm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân, đo 3 tháng/lần</li> <li>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.</li> <li>- Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì.</li> </ul>
<p><b>MT2:</b> Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.</li> <li>- Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn.</li> <li>- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường là 600-651 Kcal; Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo:</li> <li>+ Protit: 13%- 20%</li> <li>+ Lipit: 30%- 40%</li> <li>+ Gluxit: 47%- 50%</li> <li>- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> </ul>
<p><b>MT3:</b> Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Uống nước sạch đun sôi để nguội (âm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Uống khoảng 0,8 – 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> </ul>
<p><b>MT4:</b> Trẻ được được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngủ một giấc buổi trưa, thời gian khoảng 150 phút.</li> </ul>
<p><b>MT5:</b> Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng, ... đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu.</li> <li>- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh...</li> </ul>
<p><b>MT6:</b> Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Giữ sạch nguồn nước.</li> <li>- Xử lý và thu gom rác thải, vệ sinh môi trường.</li> </ul>
<p><b>MT7:</b> Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần/năm</li> <li>- Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.</li> </ul>
<b>MT8:</b> Trẻ được bảo vệ an toàn trước dịch bệnh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, Covid-19...</li> <li>- Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang, ...</li> <li>- Các biện pháp phòng, tránh các dịch bệnh truyền nhiễm.</li> <li>- Tiêm chủng đầy đủ.</li> </ul>
<b>MT9:</b> Trẻ được bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát các nguy cơ mất an toàn.</li> <li>- Các biện pháp phòng, tránh một số tai nạn.</li> </ul>

## B. GIÁO DỤC

### GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

#### \* Phát triển vận động

#### 1. Thực hiện động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp

<b>MT10:</b> Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	<p><b>*. Động tác hô hấp:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hô hấp: tập hít vào, thở ra.</li> </ul> <p><b>*. Các động tác phát triển cơ tay và bả vai:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.</li> </ul> <p><b>*. Các động tác phát triển lưng, bụng, lườn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên.</li> </ul> <p><b>*. Các động tác phát triển cơ chân:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân</li> </ul>
---	--

#### 2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu:

<b>MT11:</b> Trẻ giữ được thăng bằng trong thực hiện vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đi, chạy:</li> <li>+ Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.</li> <li>+ Đi có mang vật trên tay.</li> <li>+ Chạy theo hướng thẳng.</li> <li>+ Đứng co một chân.</li> </ul>
<b>MT12:</b> Trẻ có thể thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tung, ném, bắt:</li> <li>+ Tung- bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m</li> <li>+ Ném bóng (túi cát) về phía trước.</li> <li>+ Ném bóng (túi cát) vào đích xa 1-1,2m.</li> </ul>
<b>MT13:</b> Trẻ biết phối hợp chân, tay, cơ thể trong khi bò, trườn để giữ được vật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập bò, trườn:</li> <li>+ Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.</li> <li>+ Bò chui qua cổng.</li> </ul>

đặt trên lưng.	+ Bò, trườn qua vật cản + Bò trong đường hẹp.
<b>MT14:</b> Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động bật tại chỗ, bật qua vạch kẻ.	- Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Bật qua vạch kẻ.
<b>MT15:</b> Trẻ thể hiện được sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1.5 m)	+ Ném bóng về phía trước bằng một tay (tối thiểu 1.5 m). + Ném bóng vào đích. + Tung bắt bóng cùng cô + Tập đá bóng.
<b>3.Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay:</b>	
<b>MT16:</b> Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – Thực hiện “múa khéo”	- Vận động cuộn cổ tay, bàn tay, ngón tay thực hiện “múa khéo“ xoay bàn tay và cử động các ngón tay - Chạm các đầu ngón tay vào nhau - Xoay tay.
<b>MT17:</b> Trẻ phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: Nhào đất nặn, vẽ tổ chim, xâu vòng, chuỗi đeo cổ.	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Tập xâu, luồn dây, cài, coi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ - Lập mở trang sách
<b>MT72:</b> Trẻ phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: Đóng cọc bàn gỗ, nhóm nhặt đồ vật	- Đóng cọc bàn gỗ. - Nhóm nhặt đồ vật.
<b>*. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe:</b>	
<b>1.Có một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt:</b>	
<b>MT18:</b> Trẻ thích nghi được với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau .	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Ăn đa dạng các loại thức ăn. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. - sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt; lau miệng; uống nước sau khi ăn
<b>MT19:</b> Trẻ được ngủ đủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
<b>MT20:</b> Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Luyện tập thói quen đi vệ sinh đúng nơi quy định
<b>MT73 :</b> Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày	<b>-Biết tên một số món ăn quen thuộc: Cơm, cháo, canh, thịt...</b>

<b>MT74: Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách</b>	<b>-Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</b>
<b>2.Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe:</b>	
<b>MT21:</b> Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống đi vệ sinh)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tự phục vụ:</li> <li>+ Xúc cơm, uống nước.</li> <li>+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.</li> <li>+ Chuẩn bị chỗ ngủ.</li> <li>- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> <li>- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt</li> </ul>
<b>MT22:</b> Trẻ biết chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép ; mặc quần áo ấm khi trời lạnh .	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Trẻ biết khi ra nắng phải đội nón mũ ,</li> <li>- Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. Biết trời lạnh mặc quần áo ấm, đi dày tất. Lựa chọn trang phục phù hợp.</li> </ul>
<b>3.Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn:</b>	
<b>MT23:</b> Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
<b>MT24:</b> Trẻ biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
<b>MT75:</b> Trẻ bước đầu nhận biết được trạng thái của cơ thể khi bị đau, ốm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi đau bụng, đau chân, tay, mặt, sốt...</li> <li>- Nói với người lớn, cô giáo khi bị đau, ốm...</li> </ul>
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	
<b>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan:</b>	
<b>MT25:</b> Trẻ thích sờ, nắn, nghe, để nhận biết đặc điểm nổi bật của một số đồ dùng đồ chơi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn, nhẵn hay xù xì.</li> </ul>
<b>MT26:</b> Trẻ có thể sờ, nhìn, nghe để nhận biết đặc điểm nổi bật của con vật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe tiếng kêu một số con vật quen thuộc</li> <li>- Nhận biết con vật quen thuộc qua quan sát</li> <li>- Sờ để cảm nhận lông của một số con vật</li> </ul>

<p><b>MT27:</b> Trẻ thích nhìn, sờ, nắn, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của các loại quả, rau, cây..</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu về một số loại quả</li> <li>- Sờ, nắn, nhìn, ngửi, ném quả, hoa, rau, cây để biết đặc điểm nổi bật</li> <li>- Ném một số món ăn, quả (chua, mặn, ngọt)</li> </ul>
<p><b>MT28:</b> Trẻ thích nghe, sờ, ngắm, nhìn để nhận biết đặc điểm nổi bật của các phương tiện giao thông</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm phương tiện giao thông vừa cất dấu</li> <li>- Nghe tiếng kêu của một số phương tiện giao thông</li> <li>- Sờ, ngắm, nhìn một số phương tiện giao thông quen thuộc để nhận biết đặc điểm nổi bật</li> </ul>
<p><b>2. Nhận biết:</b></p>	
<p><b>MT29:</b> Trẻ thích chơi bắt chước hành động quen thuộc của những người gần gũi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết bắt chước một số hành động của những người thân: công việc của người thân gần gũi trong gia đình, của các cô bác trong trường lớp</li> </ul>
<p><b>MT30:</b> Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách sử dụng đồ dùng đồ chơi của bản thân, của nhóm lớp.</li> </ul>
<p><b>MT31:</b> Trẻ chỉ hoặc nói được tên của bản thân, những người gần gũi khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm, lớp.</li> <li>- Nói được tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.</li> <li>- Nói được tên cô giáo và các bạn, nhóm/ lớp khi được hỏi.</li> </ul>
<p><b>MT32:</b> Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên một số bộ phận cơ thể: mắt, mũi, miệng, tay, chân, tai.</li> <li>- Chức năng của các bộ phận.</li> </ul>
<p><b>MT33:</b> Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Nhận biết tên gọi những đồ chơi bé thích</li> </ul>
<p><b>MT34:</b> Trẻ nói được và một vài đặc điểm nổi bật của một số loại rau, hoa, quả quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc</li> <li>- Lợi ích của cây, rau, hoa, quả</li> <li>- Cách chăm sóc</li> <li>- Cách ăn một số loại rau, hoa, quả</li> </ul>
<p><b>MT35:</b> Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các con vật quen thuộc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên một số đặc điểm nổi bật, ích lợi, nơi sống của một số con vật sống trong gia đình, sống dưới nước, sống trong rừng quen thuộc.</li> </ul>
<p><b>MT36:</b> Trẻ có thể nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của phương tiện giao thông gần gũi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gọi, đặc điểm nổi bật về âm thanh, nơi hoạt động, công dụng của một số phương tiện giao thông</li> </ul>

<b>MT37:</b> Trẻ biết chỉ /nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ, màu vàng, màu xanh theo yêu cầu.	-Trẻ nhận biết một số màu cơ bản + Nhận biết màu đỏ + Nhận biết màu xanh + Nhận biết màu vàng
<b>MT38:</b> Trẻ biết chỉ, lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu.	- Nhận biết đồ chơi có kích thước to, nhỏ theo yêu cầu - Chỉ/lấy hoặc phân loại các đồ vật có hình dạng giống nhau.
<b>MT39:</b> Trẻ biết chỉ hoặc tạo ra nhóm đồ dùng đồ chơi/ hoa quả/ con vật/ phương tiện giao thông có số lượng một- nhiều.	- Nhận biết số lượng một- nhiều
<b>MT40:</b> Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có dạng hình tròn – hình vuông.	- Nhận biết hình tròn – hình vuông - Chọn, chỉ đồ dùng, đồ chơi có hình tròn – hình vuông
<b>MT41:</b> Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có vị trí trên - dưới, trước – sau theo yêu cầu	- Vị trí không gian trên – dưới , trước – sau so với bản thân trẻ
<b>MT76:</b> Trẻ có thể nhận biết được hình chữ nhật, hình tam giác.	- Nhận biết hình chữ nhật, hình tam giác. - Chọn, chỉ đồ dùng, đồ chơi có hình chữ nhật, hình tam giác.
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>	
<b>MT42:</b> Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động	- Nghe và thực hiện các yêu cầu gồm 2-3 hành động bằng lời nói. (Ví dụ: Cháu cất đồ chơi vào rổ rồi đi rửa tay). (2 hành động)
<b>MT43:</b> Trẻ trả lời các câu hỏi: Ai đây?; cái gì đây?; ...Làm gì ?; thế nào ?	- Nghe các câu hỏi: “Ai đây ?”; “cái gì đây ?”; “Làm gì ?”; “Để làm gì ?”; “Ở đâu ?”; “Như thế nào?” và trả lời VD: Con lợn kêu như thế nào?
<b>MT44:</b> Trẻ có thể hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của nhân vật.	- Nghe các câu truyện phù hợp với chủ đề. - Nhắc tên truyện được nghe; tên nhân vật, hành động của nhân vật.
<b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu:</b>	
<b>MT45:</b> Trẻ có thể phát âm rõ tiếng.	- Phát âm rõ các âm khác nhau.
<b>MT46:</b> Trẻ có thể đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có 3-4 tiếng. - Đọc một số bài thơ, đồng dao, ca dao theo chủ đề với sự hướng dẫn của cô.

<b>3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp:</b>	
<b>MT47:</b> Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 – 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, đặc điểm của bản thân, lớp học của bé, một số loại cây, rau, hoa, quả, con vật, một số phương tiện giao thông, một số hiện tượng tự nhiên quen thuộc.
<b>MT48:</b> Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	- Sử dụng các từ đơn giản trong chào hỏi và trò chuyện. - Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi “cái gì?”; “Ở đâu?”; “thế nào?”; “để làm gì?”; “tại sao?”
<b>MT49:</b> Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Sử dụng âm lượng vừa phải, đủ nghe khi giao tiếp.
<b>MT50:</b> Trẻ có thể kể được đoạn truyện ngắn đơn giản	Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
<b>MT77:</b> Trẻ có thể phát âm rõ các âm khó mà không bị ngọng	- <b>Phát âm rõ, không ngọng các âm kh/c/th; s/x; ch/tr</b> - <b>Nói rõ các tiếng</b>
<b>4. Làm quen với sách</b>	
<b>MT51:</b> Trẻ thích lắng nghe người lớn đọc sách.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
<b>MT52:</b> Trẻ biết mở sách, tranh đúng chiều	- Tập lật, mở sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI, XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ</b>	
<b>Biểu lộ sự nhận thức về bản thân:</b>	
<b>MT53:</b> Trẻ biết nói một vài thông tin về bản thân.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, nói được thông tin về bản thân (tên, tuổi).
<b>MT54:</b> Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
<b>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi:</b>	
<b>MT55:</b> -Trẻ biết Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói .	- Giao tiếp với những người xung quanh. như cha mẹ, cô giáo và bạn bè chào hỏi, gọi và trò chuyện ... - Chơi thân thiết với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
<b>MT56:</b> - Trẻ nhận biết được trạng thái vui, buồn, sợ hãi...	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi...

<b>MT57:</b> Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Biểu lộ một số trạng thái : vui biết tươi cười hơn hờ, buồn, tức giận, nổi cáu ...
<b>MT58:</b> Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi.	- Quan tâm đến các vật nuôi -Bắt chước tiếng kêu , gọi các con vật.
<b>3.Thực hiện hành vi xã hội đơn giản:</b>	
<b>MT59:</b> Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	-Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
<b>MT60:</b> Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	-Bắt chước một số hành vi xã hội (Bé em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Tập làm thể hiện , nhập vai để tham gia chơi các hoạt động ở các khu vực chơi.
<b>MT61:</b> Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn , không tranh giành đồ chơi với bạn, chơi cạnh bạn không cầu bạn
<b>MT62:</b> Trẻ mạnh dạn tham gia các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi.	- Tham gia đầy đủ các hoạt động trong lớp: học, chơi, nhảy múa,...giơ tay phát biểu khi đàm thoại trong các hoạt động hằng ngày.
<b>MT63:</b> Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp : xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
<b>MT64:</b> Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	- Uống sữa xong bỏ rác vào thùng. - Nhặt lá cây rụng bỏ vào thùng rác khi tham gia hoạt động dạo chơi ngoài trời, ngoài vườn.
<b>4.Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc / tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.</b>	
<b>MT65:</b> Trẻ thích nghe 1 số bài hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ.	- Nghe hát, nghe nhạc, với các giai điệu khác nhau về gia đình bé, những con vật đáng yêu, sự vật , hiện tượng gần gũi - Nghe các làn điệu dân ca địa phương, các bài hát ru... - Nghe âm thanh của các nhạc cụ: phách , trống, đàn ...
<b>MT66:</b> Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc - Hát theo giai điệu bài hát về gia đình, bản thân, những con vật đáng yêu, sự vật hiện tượng gần gũi...

	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tập hát từng câu, hát cả bài</li> <li>-Tập hát theo giai điệu bài hát</li> <li>- Tập hát theo nhạc đệm</li> <li>-Tập vận động đơn giản (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...)</li> </ul>
<b>MT67:</b> Trẻ thích tô màu, vẽ tranh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập di màu , tô màu</li> <li>- Tô màu các hình có sẵn</li> <li>- Vẽ các đường nét khác nhau: nét cong , nét thẳng , nét xiên , vẽ nghịch ngoạc để tạo ra sản phẩm đơn giản.</li> </ul>
<b>MT68:</b> Trẻ thích nặn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi với đất nặn và nặn các sản phẩm đơn giản.</li> </ul>
<b>MT69:</b> Trẻ thích xé.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tập vò, xé, dán giấy.</li> </ul>
<b>MT70:</b> Trẻ thích xếp hình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập xếp hình : xếp chồng, xếp khối, xếp cạnh...</li> </ul>
<b>MT71:</b> Trẻ thích xem tranh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem tranh, xem sách truyện</li> </ul>
<b>MT78:</b> Trẻ bước đầu biết cảm nhận và bày tỏ cảm xúc trước cái đẹp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cảm nhận được bài hát hay, yêu thích.</b></li> <li>- <b>Bày tỏ cảm xúc trước tác phẩm tạo hình, phong cảnh đẹp, bài hát hay.</b></li> </ul>

## 2. Độ tuổi 3-4 tuổi:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
<b>A- NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ</b>	



<p><b>MT1:</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Cụ thể:  + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 – 21,2 Kg  Chiều cao: 94,9 – 111,7 cm  + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 – 21,5 Kg  Chiều cao: 94,1 – 111,3 cm</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi.</li> <li>- Cân, đo 3 tháng/lần.</li> <li>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.</li> <li>- Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì.</li> </ul>
<p><b>MT2:</b> Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ.</li> <li>- Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ (xay), đa dạng các loại thức ăn.</li> <li>- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường là 615- 726 Kcal; Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo:  + Protit: 13%- 20%  + Lipit: 25%- 35%  + Gluxit: 52%- 60%</li> <li>- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> </ul>
<p><b>MT3:</b> Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Uống nước sạch đun sôi để nguội (ấm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> </ul>
<p><b>MT4:</b> Trẻ được được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngủ một giấc buổi trưa, thời gian khoảng 150 phút.</li> </ul>
<p><b>MT5:</b> Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gói riêng, ... đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu.</li> <li>- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh...</li> </ul>
<p><b>MT6:</b> Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Giữ sạch nguồn nước.</li> <li>- Xử lý và thu gom rác thải, vệ sinh môi trường.</li> </ul>
<p><b>MT7:</b> Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.</li> <li>- Kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần/năm</li> <li>- Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.</li> </ul>
<p><b>MT8:</b> Trẻ được bảo vệ an toàn trước dịch bệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, Covid-19...</li> <li>- Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang, ...</li> <li>- Các biện pháp phòng, tránh các dịch bệnh truyền nhiễm.</li> </ul>

	- Tiêm chủng đầy đủ.
<b>MT9:</b> Trẻ được bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn. - Các biện pháp phòng, tránh một số tai nạn.
<b>B- GIÁO DỤC</b>	
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	
<i>* Phát triển vận động</i>	
<b>1. Trẻ thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>	
<b>MT10:</b> Thực hiện đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	<p><b>*. Động tác hô hấp:</b> -Hô hấp: Hít vào, thở ra</p> <p><b>*.Các động tác phát triển cơ tay và bả vai:</b> -Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. -Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.</p> <p><b>*.Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn:</b> -Cúi về phía trước. -Quay sang trái, sang phải. -Nghiêng người sang trái, sang phải.</p> <p><b>*. Các động tác phát triển cơ chân:</b> -Bước lên phải trước, sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. -Co duỗi chân.</p>
<b>2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động:</b>	
<b>MT11:</b> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	- Đi hết đoạn đường hẹp (3mx0.2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. <b>- Đi thăng bằng trên ghế thể dục.</b>
<b>MT12:</b> Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động đi, chạy.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.
<b>MT13:</b> Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, ném, bắt.	-Tung, bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2.5 m) -Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm). - Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.

<p><b>MT14:</b> Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.</li> <li>- Ném trúng đích ngang (xa 1,5m)</li> <li>- Ném trúng đích bằng 1 tay</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</li> <li>- Bò chui qua cổng.</li> <li>- Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dốc.</li> <li>- Trườn về phía trước.</li> <li>- Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm)</li> <li>- Bật tại chỗ, bật tiến về trước.</li> <li>- Bật xa 20- 25cm</li> </ul>
<p><b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt:</b></p>	
<p><b>MT15:</b> Thực hiện được các vận động</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau.</li> </ul>
<p><b>MT16:</b> Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được hình tròn theo mẫu</li> <li>- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</li> <li>- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</li> <li>- Vẽ được hình tròn theo mẫu.</li> <li>- Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.</li> <li>- Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc.</li> <li>- Đan, tết.</li> <li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau.</li> <li>- Xé, dán giấy.</li> <li>- Sử dụng kéo, bút</li> <li>- Tô vẽ nguệch ngoạc.</li> <li>- Cài, cởi cúc.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE:</b></p>	
<p><b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe:</b></p>	
<p><b>MT17:</b> Trẻ biết nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Thịt, cá, trứng, sữa, rau...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc</li> </ul>
<p><b>MT18:</b> Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số món ăn quen thuộc trong các bữa ăn hàng ngày.</li> </ul>
<p><b>MT19:</b> Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số món ăn quen thuộc trong hàng ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất</li> <li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo</li> </ul>

	phì...).
<b>MT94:</b> Trẻ có thể nhận biết được một số thực phẩm cùng nhóm.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Thịt, cá có nhiều chất đạm + Rau, quả chín có nhiều vitamin
<b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:</b>	
<b>MT20:</b> Trẻ biết thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn.	- Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo
<b>MT21:</b> Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Dùng bát thìa ăn cơm; ca, cốc uống nước.... - Sử dụng cầm thìa bằng tay phải, cầm bát bằng tay trái, cầm cốc ở quai đúng kí hiệu. - Không dùng chung thìa, cốc với bạn.
<b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe:</b>	
<b>MT22:</b> Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Hành vi văn minh trong ăn uống, sinh hoạt hằng ngày (uống nước đã đun sôi, rót vừa lượng nước để uống, tự uống nước khi khát) - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn, không xúc thức ăn của mình sang bát bạn, nhặt thức ăn rơi và bỏ vào đĩa.
<b>MT23:</b> Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Nhận biết trang phục theo thời tiết - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.
<b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh:</b>	
<b>MT24:</b> Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.

<p>được nhắc nhở.</p>	
<p><b>MT25:</b> Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</li> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</li> <li>- Tập thói quen không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế, lan can, không nghịch các vật sắc nhọn, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</li> </ul>
<p><b>MT26:</b> Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</li> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.</li> <li>- Tập thói quen không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế, lan can, không nghịch các vật sắc nhọn, không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</li> <li>- <b>Không tự lấy thuốc uống</b></li> <li>- <b>Không làm một số việc gây nguy hiểm như: Không sờ tay vào ổ điện, không chơi với lửa, không đến gần ao, hồ sông suối....</b></li> </ul>
<p><b>MT95:</b> Trẻ nhận biết được những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Những hậu quả nguy hiểm khi không thực hiện quy định về ATGT.</li> </ul>
<p><b>MT96:</b> Trẻ nhận biết một số món ăn vặt lành mạnh và thức ăn không có lợi cho sức khỏe.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số món ăn vặt lành mạnh, món ăn mới: sữa tươi không đường, bánh quy giòn, ngũ cốc,...</li> <li>- Nhận biết và từ chối thực phẩm không lành mạnh: xúc xích, các loại nước ngọt, khoai tây chiên, thịt hộp...</li> </ul>
<p><b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b></p>	
<p><b>*.Khám phá khoa học:</b>  <b>1.Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng:</b></p>	
<p><b>MT27:</b> Trẻ quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự vật: người, đồ vật, con vật, cây cối.</li> <li>- Hiện tượng:</li> <li>+ Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</li> <li>+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</li> <li>+ Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối.</li> <li>+ Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</li> <li>+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</li> </ul>
<b>MT28:</b> Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: Sờ, ngửi, nhìn, nghe ...để tìm hiểu nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</li> <li>- Đặc điểm nổi bật của đồ vật, đồ chơi, cây cối, con vật, phương tiện giao thông gần gũi, con người...</li> </ul>
<b>MT29:</b> Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</li> <li>- Chong chóng, gió, thổi bong bóng xà phòng.</li> </ul>
<b>MT30:</b> Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm một số thí nghiệm đơn giản.</li> <li>- Xem sách tranh ảnh, trò chuyện.</li> </ul>
<b>MT31:</b> Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</li> <li>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</li> </ul>
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản:</b>	
<b>MT32:</b> Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống.</li> <li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</li> <li>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</li> <li>- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li> <li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</li> <li>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</li> </ul>

<b>3.Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau:</b>	
<b>MT33:</b> Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.</li> <li>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</li> </ul>
<b>MT34:</b> Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống.</li> <li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.</li> <li>- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.</li> <li>- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.</li> <li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</li> <li>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.</li> </ul>
<b>MT97:</b> Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, những vấn đề... đơn giản thông qua thực hành- trải nghiệm.	- Khám phá sự vật, hiện tượng, vấn đề... đơn giản theo quy trình 5E.
<b>MT98:</b> Trẻ có một số hiểu biết đơn giản về thực hiện an toàn giao thông.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số quy định giao thông đơn giản.</li> <li>- Quy định khi ngồi trên các phương tiện giao thông.</li> </ul>
<b>*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:</b>	
<b>1.Nhận biết số đếm, số lượng:</b>	
<b>MT35:</b> Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm vẹt, đếm theo nhóm đồ vật.</li> <li>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Nhận biết 1 và nhiều.</li> <li>- So sánh, nhận biết mối quan hệ về số lượng trong phạm vi 5</li> </ul>
<b>MT36:</b> Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.
<b>MT37:</b> Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác và nói được các	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết 1 và nhiều.</li> <li>- So sánh, nhận biết mối quan hệ về số lượng trong phạm vi 5</li> </ul>

từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
<b>MT38:</b> Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.
<b>MT39:</b> Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.
<b>2.Sắp xếp theo quy tắc:</b>	
<b>MT40:</b> Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc (theo mẫu). - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. - Xếp xen kẽ.
<b>3. So sánh hai đối tượng:</b>	
<b>MT41:</b> Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/nhắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Sử dụng các từ chỉ kết quả so sánh: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.
<b>4.Nhận biết hình dạng:</b>	
<b>MT42:</b> Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các đượ hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	-Nhận biết, gọi tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. -Sử dụng các hình học để lắp ghép.
<b>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian:</b>	
<b>MT43:</b> Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân trẻ.	- Nhận biết được phía trên- phía dưới, phía trước-phía sau tay phải, tay trái của bản thân.
<b>MT99:</b> Trẻ thích làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng thông qua các hoạt động trải nghiệm.	- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về toán thông qua các hoạt động trải nghiệm.
<b>MT100:</b> Trẻ có thể đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
<b>* Khám phá xã hội:</b>	
<b>1.Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng:</b>	
<b>MT44:</b> Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
<b>MT45:</b> Trẻ nói được tên của bố mẹ	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia



và các thành viên trong gia đình.	đình. Địa chỉ của gia đình.
<b>MT46:</b> Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- <b>Địa chỉ gia đình: Số nhà, thôn/xóm, phường.</b>
<b>MT47:</b> Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi và trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường. - <b>Một số đặc điểm nổi bật của các bạn như bạn Hoa có mái tóc dài, hát hay, múa dẻo ...</b>
<b>2.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:</b>	
<b>MT48:</b> Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.
<b>3.Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh:</b>	
<b>MT49:</b> Kể tên một số lễ hội trong trường mầm non và tại địa phương qua trò chuyện, tranh, ảnh.	- Một số lễ hội ở trường. - Ngày khai giảng - Tết Trung thu - Tết Nguyên đán - Lễ hội Miếu Vua Bà...
<b>MT50:</b> Trẻ biết cờ Tổ Quốc, kể tên một vài danh lam thắng cảnh ở phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên.	- Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, của phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	
<b>1.Nghe hiểu lời nói:</b>	
<b>MT51:</b> Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo được yêu cầu đơn giản
<b>MT52:</b> Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả...	- Hiểu các từ chỉ tên người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi quen thuộc.
<b>MT53:</b> Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- Trẻ biết lắng nghe - Trả lời câu hỏi : Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào?
<b>2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:</b>	
<b>MT54:</b> Nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.
<b>MT55:</b> Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc.
<b>MT56:</b> Trẻ sử dụng được câu đơn,	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở

câu ghép.	rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng
<b>MT57:</b> Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc.
<b>MT58:</b> Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.
<b>MT59:</b> Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc.
<b>MT60:</b> Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.
<b>MT61:</b> Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ” “Dạ” “thưa”... trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
<b>MT62:</b> Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - <b>Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.</b>
<b>3. Làm quen với việc đọc, viết:</b>	
<b>MT63:</b> Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cho trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Cầm đúng chiều, mở sách xem tranh và “đọc” truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Giữ gìn sách
<b>MT64:</b> Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Cho trẻ làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt.
<b>MT65:</b> Trẻ thích vẽ, “viết” nguệch ngoạc.	- Cầm đúng chiều, mở sách xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách

<b>MT101:</b> Trẻ có thể nhận ra được một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, nhận biết một số kí hiệu về đồ dùng...).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...</li> <li>- Kí hiệu về đồ dùng của trẻ như: Khăn mặt, tủ đựng đồ; các kí hiệu khác như: kí hiệu về thời tiết, kí hiệu góc chơi,...</li> </ul>
<b>MT102:</b> Trẻ biết kể chuyện sáng tạo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đoán tình tiết tiếp theo của câu chuyện.</li> <li>- Sáng tạo đoạn kết của câu chuyện.</li> <li>- Đặt tên khác cho truyện.</li> </ul>
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI</b>	
<b>1. Thể hiện ý thức về bản thân:</b>	
<b>MT66:</b> Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.
<b>MT67:</b> Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.
<b>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực:</b>	
<b>MT68:</b> Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia vào các hoạt động.</li> <li>- Trả lời câu hỏi của cô, các bạn....</li> </ul>
<b>MT69:</b> Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chơi hòa thuận</li> <li>- Chờ đến lượt</li> <li>- Lao động tự phục vụ</li> <li>- Tham gia các trò chơi</li> </ul>
<b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh:</b>	
<b>MT70:</b> Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ, hãi, tức, giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi, hát, vận động.
<b>MT71:</b> Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.
<b>MT72:</b> Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.
<b>MT73:</b> Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Múa hát, đọc thơ, kể chuyện về Bác Hồ.</li> <li>- Kính yêu Bác Hồ.</li> <li>- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</li> <li>- Yêu quê hương, đất nước.</li> </ul>
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội:</b>	

<b>MT74:</b> Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ, để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ).
<b>MT75:</b> Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn). - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
<b>MT76:</b> Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	-Lắng nghe khi cô, bạn nói.
<b>MT77:</b> Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Chờ đến lượt. - Chơi hòa thuận với bạn.
<b>5. Quan tâm đến môi trường:</b>	
<b>MT78:</b> Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	-Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
<b>MT79:</b> Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, quan tâm đến môi trường.	- Bỏ rác vào đúng nơi qui định. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Tiết kiệm điện, nước.
<b>MT103:</b> Trẻ biết thể hiện tình cảm yêu mến người thân trong gia đình, cô giáo.	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Trẻ yêu quý, vâng lời, múa hát, đọc thơ, kể chuyện về cô giáo.
<b>PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</b>	
<b>1.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật:</b>	
<b>MT80:</b> Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
<b>MT81:</b> Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca); - Nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao... - Chú ý nghe, tỏ ra thích thú.
<b>MT82:</b> Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
<b>2.Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:</b>	

<b>MT83:</b> Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - <b>Thể hiện sắc thái của bài hát qua nét mặt, điệu bộ.</b>
<b>MT84:</b> Trẻ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Sử dụng dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
<b>MT85:</b> Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
<b>MT86:</b> Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành sản phẩm đơn giản.
<b>MT87:</b> Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn, dán tạo thành sản phẩm đơn giản.
<b>MT88:</b> Trẻ có thể lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có một hoặc hai khối.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn tạo thành sản phẩm đơn giản. - <b>Sử dụng một số kỹ năng nặn tạo thành sản phẩm tạo hình đơn giản.</b>
<b>MT89:</b> Trẻ có thể xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành sản phẩm đơn giản. - <b>Xếp tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.</b>
<b>MT90:</b> Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình):</b>	
<b>MT91:</b> Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Lựa chọn, các hình thức vận động theo nhạc. - Tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc
<b>MT92:</b> Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.
<b>MT93:</b> Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình
<b>MT104:</b> Trẻ biết sử dụng dấu vân tay của mình để tạo hình thành cây, hoa, con vật, hoàn thiện khuôn mặt...	- <b>Sử dụng dấu vân tay để hoàn thiện bức tranh khuôn mặt, phong cảnh...</b> - <b>Tạo hình tranh đơn giản bằng dấu vân tay.</b>

<b>MT105: Trẻ bước đầu biết vẽ theo nhạc.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích.</li> <li>- Thưởng thức âm nhạc.</li> <li>- Vẽ theo nhạc đơn giản.</li> </ul>
---	--

### 3. Độ tuổi 4-5 tuổi:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
<b>A- NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ</b>	
<b>MT1:</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Cụ thể: - Cân nặng + Trẻ trai: 14,1- 24,2kg. + Trẻ gái: 13,7 - 24,9kg - Chiều cao (cm) : + Trẻ trai: 100,7- 119,2 cm + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi.</li> <li>- Cân, đo 3 tháng/lần.</li> <li>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.</li> <li>- Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì.</li> </ul>
<b>MT2:</b> Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ.</li> <li>- Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ ( xay), đa dạng các loại thức ăn.</li> <li>- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường là 615- 726 Kcal; Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo:            + Protit: 13%- 20%            + Lipit: 25%- 35%            + Gluxit: 52%- 60%</li> <li>- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> </ul>
<b>MT3:</b> Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Uống nước sạch đun sôi để nguội (ấm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> </ul>
<b>MT4:</b> Trẻ được được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngủ một giấc buổi trưa, thời gian khoảng 150 phút.</li> </ul>
<b>MT5:</b> Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gói riêng, ... đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu.</li> <li>- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh...</li> </ul>
<b>MT6:</b> Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Giữ sạch nguồn nước.</li> </ul>

	- Xử lý và thu gom rác thải, vệ sinh môi trường.
<b>MT7:</b> Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ.	- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần/năm - Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.
<b>MT8:</b> Trẻ được bảo vệ an toàn trước dịch bệnh.	- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, Covid-19... - Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang, ... - Các biện pháp phòng, tránh các dịch bệnh truyền nhiễm. - Tiêm chủng đầy đủ.
<b>MT9:</b> Trẻ được bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Rà soát các nguy cơ mất an toàn. - Các biện pháp phòng, tránh một số tai nạn.
<b>B- GIÁO DỤC</b>	
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	
<i>* Phát triển vận động</i>	
<b>1. Trẻ thực hiện các động tác phát triển các nhóm cơ:</b>	
<b>MT10:</b> Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp: Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	- Động tác hô hấp: + Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
<b>2. Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động:</b>	
<b>MT11:</b> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi khụy gối hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	- Đi bằng gót chân - Đi khụy gối - Đi bước lùi - Đi trên ghế thể dục - Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.</li> <li>- Đi bước dòn trước, dòn ngang trên ghế thể dục.</li> <li>- Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát.</li> </ul>
<b>MT12:</b> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động bật, nhảy.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật liên tục về phía trước.</li> <li>- Bật xa 35 - 40cm.</li> <li>- Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm).</li> <li>- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.</li> <li>- Bật qua vật cản cao 10 - 15cm.</li> <li>- Nhảy lò cò 3m.</li> </ul>
<b>MT13:</b> Trẻ có thể kiểm soát được vận động khi: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</li> <li>- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đường đích dắc ( 4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc).</li> <li>- Đi, chạy đổi hướng theo hiệu lệnh.</li> </ul>
<b>MT14:</b> Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, đập, bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): (khoảng cách 3m)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>- Tung bắt bóng với người đối diện</li> <li>- Tự đập bắt bóng tại chỗ.</li> </ul>
<b>MT15:</b> Trẻ biết phối hợp tay và thể hiện được sức bền, mạnh và khéo léo khi tập vận động: bò, trườn, trèo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 – 4m.</li> <li>- Bò đích dắc qua 5 điểm</li> <li>- Bò chui qua dây.</li> <li>- Bò chui qua cổng.</li> <li>- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m .</li> <li>- Trườn theo hướng thẳng, theo ý thích.</li> <li>- Trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm</li> <li>- Trèo lên xuống 5 giống thang.</li> <li>- Trèo lên xuống ghế.</li> </ul>
<b>MT16:</b> Trẻ biết phối hợp khéo léo khi chuyền, bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyền bắt bóng qua đầu.</li> <li>- Chuyền bắt bóng qua chân.</li> </ul>
<b>MT17:</b> Trẻ biết phối hợp tay- mắt và thể hiện sức mạnh, sự khéo léo khi thực hiện vận động ném.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m).</li> <li>- Ném trúng đích nằm ngang</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay</li> <li>- Ném xa bằng 2 tay</li> </ul>
<b>MT18:</b> Trẻ thể hiện sự nhanh nhẹn khi chạy 15m trong 10s	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy 15m trong khảng 10 giây.</li> <li>- Chạy nhanh</li> </ul>
<b>MT19:</b> Trẻ thể hiện sức bền khi chạy chậm 60 - 80m	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy chậm</li> <li>- Chạy chậm 60 - 80m</li> </ul>
<b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay -mắt:</b>	
<b>MT20:</b> Trẻ biết thực hiện được các	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộn - xoay tròn cổ tay</li> </ul>



cử động của bàn tay, ngón tay.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, mở các ngón tay</li> <li>- Vo, xoáy, xoắn, búng ngón tay, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.</li> </ul>
<b>MT21:</b> Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập giấy.</li> <li>- Lắp ghép hình.</li> <li>- Xé, cắt đường thẳng.</li> <li>- Tô, vẽ hình.</li> <li>- Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.</li> <li>- Vẽ hình người, nhà, cây.</li> <li>- Cắt thành thạo theo đường thẳng</li> <li>- Tắt sợi đôi</li> </ul>
<b>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:</b>	
<b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe:</b>	
<b>MT22:</b> Trẻ có thể nhận biết được một số thực phẩm cùng nhóm	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).
<b>MT23:</b> Trẻ có thể nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Nhận biết tên một số món ăn hàng ngày, dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn: rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho gạo nấu cơm, nấu cháo.
<b>MT24:</b> Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> <li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</li> </ul>
<b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:</b>	
<b>MT25:</b> Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự rửa tay sạch bằng xà phòng.</li> <li>- Rửa sạch: Tay sạch không có mùi xà phòng.</li> <li>- Tự chải răng, rửa mặt ( Gọn gàng không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo...)</li> <li>- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.</li> <li>- Giữ gìn vệ sinh tay, chân... trước và sau khi ăn.</li> </ul>
<b>MT26:</b> Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Tự xúc cơm ăn gọn gàng</b></li> <li>- <b>Không làm rơi vãi, đổ thức ăn.</b></li> </ul>
<b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe:</b>	
<b>MT27:</b> Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lấy tay che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.</li> <li>- Ăn hết xuất, chấp nhận ăn rau và đa dạng thức ăn.</li> <li>- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi</li> </ul>

	<p>vãi, đồ thức ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không nói chuyện khi ăn, không rơi vãi</li> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tôn, nhai kỹ.</li> <li>- Không uống nước lã.</li> <li>- <b>Không dùng chung dĩa, thìa, ca cốc, ống hút,... với bạn hoặc người khác.</b></li> </ul>
<b>MT28:</b> Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vuốt lại quần áo khi xô lệch.</li> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người.</li> <li>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</li> <li>- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định</li> <li>- Bỏ rác vào thùng rác</li> <li>- Lợi ích của giấc ngủ, đi ngủ đúng giờ, đủ giấc.</li> </ul>
<b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh:</b>	
<b>MT29:</b> Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng gây nguy hiểm, nơi không an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số vật dụng gây nguy hiểm, sắc nhọn (Bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) + Một số nơi nguy hiểm không được chơi gần (Ao, hồ, sông, suối...)</li> </ul>
<b>MT30:</b> Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	<p>Nhận biết và phòng tránh những hành động gây nguy hiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> <li>+ Không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</li> <li>+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.</li> <li>+ Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ...không uống rượu, bia, cà phê.</li> </ul>
<b>MT31:</b> Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	<p>Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi gặp nguy hiểm: Bị đánh, ngã, bị thương, bị chảy máu, cháy... thì phải kêu cứu, gọi người lớn.</li> <li>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc; Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.</li> <li>- <b>Số điện thoại cần thiết như cấp cứu, cứu hoả, công an.</b></li> </ul>
<b>MT112:</b> Trẻ không chơi ở nơi mất vệ sinh, nguy hiểm: Cổng rãnh, bụi rậm, bãi rác, ao, hồ,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Chơi ở nơi an toàn: Tránh nơi có nhiều người và xe cô đi lại, lòng đường, chợ, trạm điện, nơi độc hại, nơi có vật liệu nổ; nơi dễ</b></li> </ul>

lòng đường nơi phương tiện giao thông đi lại.....	cháy nổ...
MT113: Trẻ biết tiếp nhận một số món ăn vặt lành mạnh và từ chối thức ăn vặt không có lợi cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thích ăn một số món ăn vặt lành mạnh, món ăn mới: sữa tươi không đường, bánh quy giòn, ngũ cốc, nước ép trái cây, salad rau củ...</li> <li>- Nhận biết và từ chối thực phẩm không lành mạnh: coca, khoai tây chiên, xúc xích...</li> </ul>
MT114: Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không tự ý đi chơi.</li> <li>- Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> <li>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào....</li> <li>- An toàn khi đi trên các PTGT: (Ngồi trên xe đạp, xe máy an toàn ngồi cho hai chân về hai bên hai tay ôm người lái xe và đội mũ bảo hiểm đúng quy cách khi ngồi trên xe đạp, xe đạp điện hoặc xe máy; Không được ngồi trên đầu xe hoặc giỏ xe; Không được đứng trên xe. Không ngồi ngược chiều của xe...); ngồi trên xe ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, máy bay an toàn</li> </ul>
MT115: Trẻ nhận biết được những hậu quả khi không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.	- Những hậu quả nguy hiểm khi không thực hiện quy định về ATGT.
<b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b>	
<b>*.Khám phá khoa học:</b>	
<b>1.Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng:</b>	
MT32: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gọi, đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. Các phương tiện giao thông, con vật, cây cối....</li> <li>- Đặt các câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng “ Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị ướt?”...</li> </ul>
MT33: Trẻ có thể phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như: Sờ, nhìn, nếm, ngửi...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết và hiểu được chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.</li> <li>- Sử dụng các giác quan để tìm hiểu về sự vật, hiện tượng.</li> </ul>
MT34: Trẻ có thể nhận biết mới	* Đồ dùng, đồ chơi

<p>quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li> <li>* Phương tiện giao thông</li> <li>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông, phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.</li> <li>* Động vật và thực vật:</li> <li>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</li> <li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây thông qua hoạt động trải nghiệm</li> <li>* Thời tiết, mùa</li> <li>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</li> <li>* Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</li> <li>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm.</li> <li>* Nước</li> <li>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</li> <li>- Một số đặc điểm, tính chất của nước</li> <li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</li> <li>* Không khí, ánh sáng</li> <li>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</li> <li>* Đất đá, cát, sỏi</li> <li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<p><b>MT35:</b> Trẻ có thể biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thí nghiệm với nước, đất, đá, cát thông qua hoạt động trải nghiệm</li> <li>- Vật chìm, vật nổi thông qua hoạt động trải nghiệm</li> <li>- Sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.</li> </ul>
<p><b>MT36:</b> Trẻ có thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện về đối tượng.</li> <li>- Trò chuyện với người lớn, với bạn bè và nhận xét về đối tượng.</li> </ul>
<p><b>MT37:</b> Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.</li> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</li> <li>- Phân loại phương tiện giao thông theo đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng.</li> </ul>
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản:</b>	
<b>MT38:</b> Trẻ nhận xét được một số quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm một số thí nghiệm, quan sát nhận xét đặc điểm, tính chất của nước thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> <li>Ví dụ: cho thêm đường và muối nên nước ngọt, mặn hơn</li> <li>- Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống</li> </ul>
<b>MT39:</b> Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết thử nghiệm các đồ vật, đồ dùng đồ chơi để chơi theo ý thích quan sát những hiện tượng của chúng khi được tác động. như kê ván dốc để ô tô chạy nhanh hơn thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau:</b>	
<b>MT40:</b> Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm sự giống nhau của các đối tượng được quan sát.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết quan sát, nhận xét, so sánh những đặc điểm giống và khác nhau của 2 đối tượng nêu được quan điểm của mình về những gì trẻ nhìn thấy</li> </ul>
<b>MT41:</b> Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện vai chơi trong trò chơi: Đóng vai theo chủ đề, gia đình, phòng khám bệnh, xây dựng...</li> </ul>
<b>MT116:</b> Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, những vấn đề... thông qua thực hành-trải nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám phá sự vật, hiện tượng, vấn đề... theo quy trình 5E.</li> </ul>
<b>MT117:</b> Trẻ biết sáng chế, chế tạo sản phẩm theo quy trình khoa học.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu sự vật, hiện tượng, vấn đề ... dưới cái nhìn khoa học.</li> <li>- Chế tạo sản phẩm theo dự án và quy trình EDP.</li> </ul>
<b>MT118:</b> Trẻ biết một số dịch vụ giao thông và qui định khi tham gia các dịch vụ giao thông.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số dịch vụ giao thông như: Nơi bán vé, bến ô tô, ga tàu, sân bay....</li> <li>- Đèn tín hiệu giao thông (tín hiệu đèn và ý nghĩa);</li> <li>- Một số qui định khi tham gia dịch vụ giao thông: Xếp hàng, ngồi trật tự....</li> </ul>

<b>*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán:</b>	
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng:</b>	
<b>MT42:</b> Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</li> <li>- Thích đếm các vật xung quanh, đặt các câu hỏi: “Bao nhiêu?” “Là số mấy?”</li> </ul>
<b>MT43:</b> Trẻ có thể đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10</li> <li>- Đếm theo khả năng</li> </ul>
<b>MT44:</b> Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau</li> <li>- Sử dụng các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn</li> <li>- Đếm các nhóm đối tượng</li> </ul>
<b>MT45:</b> Trẻ có thể gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm các nhóm đối tượng</li> <li>- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.</li> </ul>
<b>MT46:</b> Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn, đếm và so sánh.</li> </ul>
<b>MT47:</b> Trẻ biết sử dụng các số từ 1 đến 5 để chỉ số lượng, số thứ tự	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết chữ số, số lượng, số thứ tự trong phạm vi 5</li> <li>- Nhận biết được các nhóm đối tượng trong phạm vi 5.</li> <li>- Đọc được các chữ số từ 1 – 5</li> <li>- Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được.</li> </ul>
<b>MT48:</b> Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số trong cuộc sống hàng ngày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).</li> </ul>
<b>2. Sắp xếp theo quy tắc:</b>	
<b>MT49:</b> Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp tương ứng 1- 1 và ghép đôi</li> <li>- Trẻ ghép được thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</li> <li>- Sắp xếp thành thạo theo mẫu hoặc theo yêu cầu của cô.</li> <li>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.</li> <li>- Trẻ biết tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý của trẻ thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>3. So sánh hai đối tượng:</b>	
<b>MT50:</b> Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.</li> <li>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo .</li> <li>- So sánh độ dài 2 đối tượng.</li> <li>- So sánh dung tích 2 đối tượng thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>

<b>4. Nhận biết hình dạng:</b>	
<b>MT51:</b> Trẻ chỉ ra các đặc điểm giống và khác nhau giữa hai hình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, tròn, hình chữ nhật.</li> <li>- Phân biệt hình tròn, hình vuông; hình tròn, hình chữ nhật; hình vuông, hình tam giác.</li> <li>- Phân biệt hình vuông, hình chữ nhật; hình vuông – hình tam giác.</li> <li>- Phân biệt hình chữ nhật với hình tam giác.</li> </ul>
<b>MT52:</b> Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác để tạo ra hình đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng nhiều vật liệu để tạo thành các hình hình học.</li> <li>- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>4. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian:</b>	
<b>MT53:</b> Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	-Xác định vị trí đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác ( phía trước- phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải- phía trái)
<b>MT54:</b> Trẻ có thể mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối.
<b>*Khám phá xã hội:</b>	
<b>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng:</b>	
<b>MT55:</b> Trẻ Nói họ tên , tuổi giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ,tên,tuổi,giới tính,đặc điểm bên ngoài,sở thích,khả năng của bản thân.
<b>MT56:</b> Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi chuyện, xem ảnh về gia đình.	-Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.
<b>MT57:</b> Trẻ có thể nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình.
<b>MT58:</b> Trẻ biết nói tên, địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi trò chuyện	- Trẻ nói được tên trường, lớp mình đang học; - Trẻ nói được địa chỉ của trường, nhóm/lớp
<b>MT59:</b> Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên cô giáo và các bác nhân viên: y tế, bảo vệ, cấp dưỡng. - Công việc của cô giáo và các bác công nhân viên ở trường.
<b>MT60:</b> Trẻ biết nói tên và một vài	- Họ, tên, một vài đặc điểm, sở thích của các

đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	bạn trong lớp.... - Các hoạt động vui chơi của trẻ và các bạn.
<b>2.Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương:</b>	
<b>MT61:</b> Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
<b>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh:</b>	
<b>MT62:</b> Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Kể tên và nêu được đặc điểm nổi bật một số lễ hội, sự kiện văn hóa nơi trẻ sống như tết nguyên đán, tết trung thu, khai giảng, Ngày nhà giáo Việt Nam... - Kể tên một số lễ hội truyền thống của địa phương: lễ hội Xuống đồng, miếu Vua Bà, tiên công...
<b>MT63:</b> Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, của quê hương : Miếu Tiên Công, Miếu Nghè, Miếu Vua Bà, Bãi cọc Bạch Đằng, Vịnh Hạ Long... - Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh nổi tiếng của đất nước: thủ đô Hà Nội, quê Bác...
<b>MT119:</b> Trẻ kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống.	- Cho trẻ kể về những điểm vui chơi công cộng/ trường học/ nơi mua sắm/ khám bệnh ở nơi trẻ sống hoặc đã được đến.
<b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b>	
<b>1. Nghe hiểu lời nói:</b>	
<b>MT64:</b> Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Lắng nghe, hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. - Hiểu và thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp.
<b>MT65:</b> Trẻ hiểu ý nghĩa từ khái quát: Rau quả, con vật, đồ gỗ...	-Các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm: Rau quả, con vật, đồ gỗ... - Giải nghĩa của một số từ với sự giúp đỡ của người khác.
<b>MT66:</b> Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Trẻ biết lắng nghe và trả lời đúng câu hỏi - Trao đổi và trả lời câu hỏi với người khác - Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao,



	tục ngữ, câu đố,... phù hợp với độ tuổi.
<b>2.Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày:</b>	
<b>MT67:</b> Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết phát âm đúng và rõ ràng.</li> <li>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.</li> <li>- Diễn đạt ý tưởng, trả lời được theo ý của câu hỏi.</li> <li>- Tốc độ và âm lượng phù hợp với người nghe.</li> <li>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</li> </ul>
<b>MT68:</b> Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh</li> <li>- Biết sử dụng từ ngữ phù hợp để trò chuyện, thảo luận, nhận xét.</li> </ul>
<b>MT69:</b> Trẻ biết sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp hàng ngày.</li> <li>- Trả lời và đặt các câu hỏi: “ai”?, “cái gì?”. “ở đâu?”; “khi nào”; “để làm gì?”.</li> </ul>
<b>MT70:</b> Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.</li> <li>- Kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ đã gặp, đã xảy ra.</li> <li>- Kể lại sự việc theo trình tự thời gian.</li> </ul>
<b>MT71:</b> Trẻ biết lắng nghe, kể chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung truyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe câu chuyện và đặt câu hỏi theo nội dung các câu chuyện phù hợp với độ tuổi.</li> </ul>
<b>MT72:</b> Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè</li> <li>- Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ, điệu bộ.</li> </ul>
<b>MT73:</b> Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại truyện đã được nghe có mở đầu, kết thúc.</li> <li>- Kể chuyện theo tranh vẽ, hình ảnh.</li> </ul>
<b>MT74:</b> Trẻ có thể bắt trước giọng nói, điệu bộ của các nhân vật trong truyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</li> <li>- Đóng kịch.</li> <li>-Diễn rối.</li> </ul>
<b>MT75:</b> Trẻ sử dụng các từ như: “mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi ...” trong giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu các từ “mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi ...”</li> <li>- Sử dụng các từ đó trong giao tiếp.</li> </ul>
<b>MT76:</b> Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.</li> <li>-Điều chỉnh giọng nói phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</li> </ul>

<b>3. Làm quen với việc đọc, viết:</b>	
<b>MT77:</b> Trẻ biết chọn sách để xem và biết sử dụng sách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chọn sách theo ý thích để xem.</li> <li>- Chọn sách theo chủ đề khi được yêu cầu.</li> <li>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc truyện”.</li> <li>- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.</li> <li>- Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách.</li> <li>- Giữ gìn, bảo vệ sách.</li> </ul>
<b>MT78:</b> Trẻ có thể mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xem tranh, mô tả được hành động của các nhân vật trong tranh.</li> <li>- Đóng kịch.</li> <li>- Diễn rối.</li> </ul>
<b>MT79:</b> Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh (đọc) sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.</li> <li>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.</li> <li>+ Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</li> <li>+ “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.</li> <li>+ Đọc sáng tạo theo trí tưởng tượng của trẻ.</li> </ul> </li> </ul>
<b>MT80:</b> Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống ( Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...).</li> <li>- Nhận dạng một số chữ cái.</li> <li>- <b>Nhận biết được các kí hiệu về đồ dùng của trẻ như: Khăn mặt, tủ đựng đồ; các kí hiệu khác như: kí hiệu về thời tiết, kí hiệu góc chơi,...</b></li> </ul>
<b>MT81:</b> Trẻ có thể sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập tô, tập đồ các nét chữ</li> <li>- Trẻ biết tô một số ký hiệu, một số chữ cái trong từ.</li> <li>- Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.</li> </ul>
<b>MT120:</b> Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đặt sách đúng nơi qui định.</b></li> <li>- <b>Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhàu, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách.</b></li> <li>- <b>Có thái độ tốt đối với sách ( Buồn không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách )</b></li> </ul>
<b>MT121:</b> Trẻ biết kể chuyện sáng tạo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Đoán tình tiết tiếp theo của câu chuyện.</b></li> <li>- <b>Sáng tạo đoạn kết của câu chuyện.</b></li> <li>- <b>Sáng tạo câu chuyện mới.</b></li> </ul>

	- Đặt tên khác cho truyện.
<b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI</b>	
<b>1. Thể hiện ý thức về bản thân:</b>	
<b>MT82:</b> Trẻ thể hiện được ý thức của bản thân, nói được tên tuổi, giới tính, sở thích của bản thân, tên bố, mẹ, cô giáo và các bạn trong lớp.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Tên bố mẹ. - Tên cô giáo, các bạn.
<b>MT83:</b> Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Nói tên đồ chơi, con vật, món ăn yêu thích, không yêu thích. - Nói tên người mà bé yêu thích. - Công việc bé thích và có thể làm.
<b>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực:</b>	
<b>MT84:</b> Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự lựa chọn đồ dùng đồ chơi, trò chơi. - Chơi theo ý thích
<b>MT85:</b> Trẻ thể hiện sự tự tin, tự lực, biết cố gắng hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao như: Cát dọn đồ chơi sau khi chơi, sắp xếp đồ chơi, lau bàn ghế.... - Vui vẻ nhận công việc được giao. - Mạnh dạn, tự tin trong sinh hoạt, trong giao tiếp, mạnh dạn chia sẻ thông tin của bản thân với mọi người.
<b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh:</b>	
<b>MT86:</b> Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ” vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ” của mình và người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ qua tiếp xúc trực tiếp giọng nói, tranh ảnh....
<b>MT87:</b> Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc với người thân và bạn bè.	- Chơi thân thiện với bạn. - Quan tâm, an ủi bạn bè, người thân khi họ ốm, mệt hoặc buồn rầu bằng lời nói, cử chỉ. - Chúc mừng người thân, bạn bè vào ngày sinh nhật, ngày lễ. - Vui mừng, cổ vũ người thân, bạn bè chiến thắng trong cuộc thi, gặp chuyện vui... - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
<b>MT88:</b> Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Trẻ nhận ra hình ảnh của Bác Hồ qua tranh ảnh và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.

<b>MT89:</b> Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Kính yêu Bác Hồ.
<b>MT90:</b> Trẻ quan tâm đến một số vài cảnh đẹp tự nhiên, lễ hội, di tích lịch sử của địa phương, quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội:</b>	
<b>MT91:</b> Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
<b>MT92:</b> Trẻ biết nói Cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn. - Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà.
<b>MT93:</b> Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe bố mẹ, ông bà, cô giáo và các bạn nói trong giao tiếp. - Lắng nghe ý kiến của người khác trong các hoạt động tập thể. - Nhìn và chú ý lắng nghe, không cắt ngang lời khi người khác đang nói.
<b>MT94:</b> Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt khi tham gia các hoạt động: ăn, vệ sinh, chơi trò chơi...
<b>MT95:</b> Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	- Trao đổi, thỏa thuận phối hợp với các bạn cùng hoạt động tập thể. (chơi, trực nhật...)
<b>5. Quan tâm đến môi trường:</b>	
<b>MT96:</b> Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc	- Thích thú, vui vẻ nhận nhiệm vụ chăm sóc, tưới cây; cho con vật quen thuộc, hiền lành ăn. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
<b>MT97:</b> Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn bảo vệ môi trường: bỏ rác đúng nơi qui định.
<b>MT98:</b> Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ môi trường	- Giữ gìn vệ sinh môi trường. Bỏ rác đúng nơi quy định. - Không bẻ cành, bứt hoa. - Chăm sóc con vật và cây cối - Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi.
<b>MT99:</b> Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt điện nước khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước thông qua hoạt động trải nghiệm. - Tắt các thiết bị điện, nước khi không sử dụng.

	dụng.
<b>PHÁT TRIỂN THẨM MỸ</b>	
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật:</b>	
<b>MT100:</b> Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh.	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
<b>MT101:</b> Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe các bài hát, bản nhạc khác nhau. - Cảm nhận nhịp điệu nhanh, chậm của một số bài hát, bản nhạc trong chủ đề. - Nghe và đọc thơ, kể chuyện, đồng dao, ca dao, tục ngữ...
<b>MT102:</b> Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Nhận xét, thể hiện cảm xúc trước các tác phẩm tạo hình. - Sử dụng các từ gợi cảm để nhận xét và nói lên cảm xúc của mình.
<b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:</b>	
<b>MT103:</b> Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời phù hợp lứa tuổi - Thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, tình cảm của bài hát.
<b>MT104:</b> Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.
<b>MT105:</b> Trẻ biết phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc và biết sử dụng để đệm theo nhịp bài hát, bản nhạc.	- Lắng nghe, phân biệt âm sắc của một số dụng cụ âm nhạc quen thuộc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm, tiết tấu kết hợp.
<b>MT106:</b> Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Quan sát, ngắm nhìn các tác phẩm nghệ thuật được tạo nên từ các nguyên vật liệu khác nhau. - Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để

	<p>tạo ra các sản phẩm đa dạng, phong phú.</p>
<p><b>MT107:</b> Trẻ biết phối hợp các kỹ năng trong hoạt động tạo hình vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết, màu sắc, bố cục và kiểu dáng khác nhau.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.</li> </ul>
<p><b>MT108:</b> Trẻ biết nhận xét và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục</li> <li>- Sáng tạo và nêu lên ý tưởng về thực hiện các công việc theo suy nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.</li> <li>- Giữ gìn sản phẩm.</li> </ul>
<p><b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình):</b></p>	
<p><b>MT109:</b> Trẻ thể hiện sự sáng tạo, biết lựa chọn và tự thể hiện các hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận động theo bài hát, bản nhạc yêu thích.</li> <li>- Tự sáng tạo, lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động sao cho phù hợp với nhịp điệu âm nhạc.</li> </ul>
<p><b>MT110:</b> Trẻ biết lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</li> </ul>
<p><b>MT111:</b> Trẻ nói được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích; biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</li> <li>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.</li> <li>- Đặt tên cho sản phẩm của mình.</li> </ul>
<p><b>MT122:</b> Trẻ biết vẽ theo nhạc.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích.</li> <li>- Thưởng thức âm nhạc.</li> <li>- Vẽ theo nhạc.</li> </ul>

#### 4. Độ tuổi 5-6 tuổi:

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
<b>A- NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ</b>	

<p><b>MT1:</b> Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân nặng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bé trai: 15,9-27,1 kg</li> <li>+ Bé gái: 15,3-27,8 kg</li> </ul> </li> <li>- Chiều cao: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bé trai: 106,1-125,8 cm</li> <li>+ Bé gái: 104,9-125,4 cm</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng theo độ tuổi.</li> <li>- Cân, đo 3 tháng/lần.</li> <li>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ trên biểu đồ phát triển.</li> <li>- Can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi; thừa cân, béo phì.</li> </ul>
<p><b>MT2:</b> Trẻ được ăn theo chế độ và khẩu phần ăn khoa học, phù hợp với độ tuổi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ăn 1 bữa chính và 1 bữa phụ.</li> <li>- Ăn cơm thường, thức ăn băm nhỏ ( xay), đa dạng các loại thức ăn.</li> <li>- Chế độ dinh dưỡng hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ: Năng lượng 1 ngày tại trường là 615- 726 Kcal; Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng đảm bảo: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Protit: 13%- 20%</li> <li>+ Lipit: 25%- 35%</li> <li>+ Gluxit: 52%- 60%</li> </ul> </li> <li>- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.</li> <li>- Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.</li> </ul>
<p><b>MT3:</b> Trẻ được uống nước đầy đủ, đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Uống nước sạch đun sôi để nguội (âm vào mùa đông), đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Uống khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).</li> </ul>
<p><b>MT4:</b> Trẻ được được ngủ một giấc vào buổi trưa và đảm bảo thời gian</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ngủ một giấc buổi trưa, thời gian khoảng 150 phút.</li> </ul>
<p><b>MT5:</b> Trẻ được đảm bảo vệ sinh khi ở lớp</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có ca cốc riêng, khăn mặt riêng, gối riêng, ... đồ dùng cá nhân riêng và có ký hiệu.</li> <li>- Vệ sinh cá nhân trước và sau khi ăn/ ngủ; sau khi chơi đồ chơi/ hoạt động ngoài trời; sau khi đi vệ sinh...</li> </ul>
<p><b>MT6:</b> Trẻ được chăm sóc trong môi trường đảm bảo vệ sinh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Giữ sạch nguồn nước.</li> <li>- Xử lý và thu gom rác thải, vệ sinh môi trường.</li> </ul>
<p><b>MT7:</b> Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cân đo, theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm.</li> <li>- Kiểm tra sức khỏe định kỳ 2 lần/năm</li> <li>- Theo dõi trẻ suy dinh dưỡng, béo phì.</li> </ul>
<p><b>MT8:</b> Trẻ được bảo vệ an toàn trước dịch bệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng tránh các bệnh thường gặp: sởi, thủy đậu, sốt xuất huyết, Covid-19...</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện việc rửa tay, sát khuẩn, đeo khẩu trang, ...</li> <li>- Các biện pháp phòng, tránh các dịch bệnh truyền nhiễm.</li> <li>- Tiêm chủng đầy đủ.</li> </ul>
<b>MT9:</b> Trẻ được bảo đảm an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rà soát các nguy cơ mất an toàn.</li> <li>- Các biện pháp phòng, tránh một số tai nạn.</li> </ul>
<b>B- GIÁO DỤC</b>	
<b>PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT</b>	
<i>* Phát triển vận động</i>	
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</b>	
<b>MT10:</b> Trẻ thực hiện đúng thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc đúng bản nhạc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các động tác phát triển hô hấp.</li> <li>- Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai.</li> <li>- Các động tác phát triển cơ bụng, lưng.</li> <li>- Các động tác phát triển cơ chân.</li> </ul>
<b>2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tổ chức trong vận động</b>	
<b>MT11:</b> Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi/ đứng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi lên, xuống ván kê dốc ( dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m.</li> <li>- Đi trên ghế thể dục có mang vật trên đầu.</li> <li>- Đi mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.</li> <li>- Đi trên dây (dây đặt trên sàn)</li> <li>- Đi nổi bàn chân tiến, lùi</li> <li>- Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.</li> </ul>
<b>MT12:</b> Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm (CS1)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật liên tục vào vòng.</li> <li>- Bật xa 40 – 50cm</li> <li>- Bật tiến về phía trước.</li> <li>- Bật tách chân khép chân qua 7 ô</li> <li>- Bật tại chỗ.</li> <li>- Bật qua vật cản ( cao 15 – 20cm)</li> </ul>
<b>MT13:</b> Trẻ có thể: nhảy xuống từ độ cao 40 cm. (CS2)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhảy từ độ cao xuống</li> <li>+ Chạm đất nhẹ nhàng bằng 2 đầu bàn chân và giữ được thăng bằng.</li> <li>+ Nhảy xuống từ độ cao 40 - 45 cm.</li> <li>+ Nhảy qua tối thiểu 50cm.</li> </ul>
<b>MT14:</b> Trẻ biết ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa tối thiểu là 4m (CS3)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bắt được bóng bằng 2 tay, không ôm bóng vào ngực.</li> <li>- Ném xa bằng 1 tay.</li> <li>- Ném xa bằng 2 tay.</li> <li>- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay.</li> <li>- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay- bằng 2 tay.</li> </ul>
<b>MT15:</b> Trẻ biết phối hợp tay, mắt trong vận động.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tung bóng lên cao và bắt.</li> <li>- Tung, đập bắt bóng tại chỗ.</li> </ul>
<b>MT16:</b> Trẻ thực hiện được động tác: trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất. ( CS4 )	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trèo lên xuống liên tục phối hợp chân nọ tay kia ( hai chân không bước vào một bậc thang )</li> <li>- Trèo lên xuống thang.</li> <li>- Trèo lên xuống 7 gióng thang.</li> </ul>
<b>MT17:</b> Trẻ có thể: Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu ( CS9 )	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhảy lò cò tại chỗ theo hiệu lệnh.</li> <li>- Nhảy lò cò đổi chân mà không dừng.</li> <li>- Nhảy lò cò đổi chân theo yêu cầu.</li> <li>- Nhảy lò cò 5 – 7 bước liên tục về phía trước.</li> <li>- Nhảy lò cò 5m.</li> </ul>
<b>MT18:</b> Trẻ biết: Đập và bắt bóng bằng hai tay ( CS10 )	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi đập bắt bóng bằng 2 tay.</li> <li>- Chuyển bóng bằng 2 tay qua đầu ra sau lưng hoặc ra phía trước.</li> <li>- Chuyển bóng qua đầu, qua chân.</li> </ul>
<b>MT19:</b> Trẻ biết: Đi thẳng bằng trên ghế thể dục( 2m x 0,25m x 0,35 ) ( CS11)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục theo yêu cầu</li> </ul>
<b>MT20:</b> Trẻ có thể : Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 – 7 giây ( CS12)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy 18m liên tục trong vòng 10 giây.</li> <li>- Chạy phối hợp chân tay nhịp nhàng.</li> <li>- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.</li> <li>- Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh</li> <li>- Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.</li> </ul>
<b>MT21:</b> Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian ( CS13)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy chậm 100 – 120m.</li> <li>( Phối hợp tay – chân nhịp nhàng)</li> </ul>
<b>MT22:</b> Trẻ thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong bài tập tổng hợp.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.</li> <li>- Trẻ bò qua 5, 6 điểm đích dắc cách nhau 1, 5m đúng yêu cầu.</li> <li>- Bò theo đường đích dắc qua 7 điểm</li> <li>- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m</li> <li>- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m – 5m</li> </ul>
<b>3. Trẻ biết tập các cử động của bàn tay, ngón tay phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</b>	
<b>MT23:</b> Trẻ phối hợp được cử động	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ</li> </ul>

<p>bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động: vẽ, cắt, lắp ráp, đan, tết, cài, cởi cúc...</p>	<p>tay và cổ tay.  + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.  + Gập mở lần lượt từng ngón tay.  + Bẻ, nắn; Lắp ráp.  + Xé, cắt đường vòng cung.  + Tô đồ theo nét  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.  - Cắt được theo đường viền của hình vẽ.  - Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.  - Ghép và dán hình đã cắt.  - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)</p>
<p><b>MT24:</b> Trẻ có thể tham gia các hoạt động học tập không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (CS14)</p>	<p>- Không có biểu hiện quá mệt mỏi: Thở dồn, thở gấp, thở hắt hắt kéo dài.  - Tham gia hoạt động tích cực.  - Không có biểu hiện mệt mỏi như: Ngáp, ngủ gật...</p>
<p><b>MT25:</b> Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)</p>	<p>- Mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau.  - Cài và mở được hết các cúc áo.  - Tự mặc và cởi được quần. Biết kéo khóa quần, khâu, luồn, buộc.</p>
<p><b>* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</b>  <b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</b></p>	
<p><b>MT26:</b> Trẻ kể được một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)</p>	<p>- Kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày  - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn : rau, thịt, cá ...</p>
<p><b>MT27:</b> Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe. (CS20)</p>	<p>- Kể tên các thức ăn, uống có hại : có mùi hôi/ chua/ có màu lạ.VD: các thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa sạch...  - Không ăn uống những thức ăn đó.  - Biết giá trị dinh dưỡng của các loại thực phẩm được cung cấp từ các nguồn động vật, thực vật...</p>
<p><b>MT28:</b> Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm.</p>	<p>- Nhận biết, phân biệt một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</p>

<p><b>MT29:</b> Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết ích lợi của việc ăn uống đầy đủ chất dinh dưỡng.</li> <li>- Biết tác hại của việc uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.</li> </ul>
<p><b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</b></p>	
<p><b>MT30:</b> Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi VS và khi tay bẩn (CS15)</p>	<p>Tự rửa tay sạch bằng xà phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rửa sạch tay không có mùi xà phòng.</li> <li>- Rửa gọn: Không vẩy nước ra ngoài.</li> <li>- Biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh tay, chân... trước và sau khi ăn.</li> </ul> <p>+ Hình thành thói quen, hành vi vệ sinh trong ăn uống và phòng chống bệnh tật.</p>
<p><b>MT31:</b> Trẻ biết tự rửa mặt và chải răng hàng ngày (CS16)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự chải răng, rửa mặt (Gọn gàng không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo...)</li> </ul>
<p><b>MT32:</b> Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định (Đi vệ sinh trong nhà vệ sinh)</li> </ul>
<p><b>MT33:</b> Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng đồ dùng đúng cách.</li> </ul>
<p><b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.</b></p>	
<p><b>MT34:</b> Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</li> <li>- Không đùa nghịch, không làm đổ, vãi thức ăn.</li> <li>- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.</li> <li>- <b>Không dùng chung thìa, dĩa, ca cốc, ống hút,... với bạn và người khác.</b></li> </ul>
<p><b>MT35:</b> Trẻ biết che miệng ho, hắt hơi, ngáp (CS17)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp</li> <li>- Ho, hắt hơi đúng cách để tránh lây bệnh.</li> </ul>
<p><b>MT36:</b> Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng (CS 18)</p>	<p>Biết chải tóc, vuốt tóc khi bù rối. Vuốt lại quần áo khi xô lệch.</p>
<p><b>MT37:</b> Trẻ có một số thói quen tốt trong vệ sinh và phòng bệnh.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn, trước khi ngủ, sáng ngủ dậy.</li> <li>- Biết giữ gìn sức khỏe khi đi ra ngoài: Trời nắng phải đội mũ; khi trời mưa thì phải mặc áo mưa</li> <li>- Mặc ấm khi trời lạnh; mặc quần áo thoáng mát khi trời nóng nực.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số bệnh theo mùa.</li> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.</li> <li>- Lợi ích của giấc ngủ, đi ngủ đúng giờ, đủ giấc.</li> </ul>
<b>MT172:</b> Trẻ biết tiếp nhận một số món ăn vặt lành mạnh và từ chối thức ăn vặt không có lợi cho sức khỏe.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và thích ăn một số món ăn vặt lành mạnh, món ăn mới: sữa tươi không đường, bánh quy giòn, ngũ cốc, nước ép trái cây, salad rau củ...</li> <li>- Nhận biết và từ chối thực phẩm không lành mạnh: coca, khoai tây chiên, xúc xích, các món ăn vặt lè đường...</li> </ul>
<b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</b>	
<b>MT38:</b> Trẻ biết nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm (CS21)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số đồ vật gây nguy hiểm (bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, ổ điện, vật sắc nhọn).</li> <li>- Không sử dụng những đồ vật đó.</li> <li>- Biết được tác hại của một số việc nguy hiểm.</li> <li>- Biết cách tránh hoặc dùng đồ dùng khác để thay thế hoặc nhờ người lớn làm giúp.</li> </ul>
<b>MT39:</b> Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm (CS22)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Không làm một số việc gây nguy hiểm như: Không sờ tay vào ổ điện, sử dụng bếp ga, không chơi với lửa...</li> <li>- Phân biệt được nơi bẩn, nơi sạch.</li> <li>- Phân biệt được nơi nguy hiểm (Gần ao hồ, sông suối, vực sâu, ổ điện...) và tránh không chơi ở những chỗ đó.</li> </ul>
<b>MT40:</b> Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (CS23)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những nơi nguy hiểm, những nơi không mất vệ sinh: ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm, bãi rác, đường ray tàu hoả....</li> <li>- Chơi ở nơi an toàn và sạch</li> </ul>
<b>MT41:</b> Trẻ Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép; (CS24)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân.</li> <li>- Người lạ rủ đi thì không theo.</li> </ul>
<b>MT42:</b> Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm (CS25)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp, nguy hiểm, cháy, có bạn rơi xuống nước, ngã chảy máu rơi xuống nước, ngã chảy máu....</li> </ul>
<b>MT43:</b> Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc lá. (CS26)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi hỏi về tác hại của thuốc lá trẻ biết trả lời: Hút thuốc lá là có hại cho sức khỏe.</li> <li>- Biết bày tỏ thái độ không đồng tình với</li> </ul>

	<p>người hút thuốc lá. - Tránh chỗ có người hút thuốc.</p>
<p><b>MT44:</b> Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p>	<p>- Nhận biết một số trường hợp không an toàn: cháy/ có bạn rơi xuống nước, ngã chảy máu... và gọi người lớn giúp đỡ; - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: người lạ rủ đi chơi, cho kẹo bánh, nước ngọt... - Biết địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. - <b>Nhận biết một số hành vi xâm hại.</b> - <b>Số điện thoại khi cần giúp đỡ: Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em (111); công an (113); cứu thương (115)</b></p>
<p><b>MT45:</b> Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.</p>	<p>- Thực hiện các quy định: + Đi học đúng giờ, đi đến nơi, về đến nhà, không tự ý đi chơi; + Đi bộ trên vỉa hè; sang đường phải có người lớn dắt; + Không leo trèo cây, ban công, tường rào... + Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy.</p>
<p><b>MT173:</b> Trẻ nhận biết được những hậu quả của việc không tuân thủ các quy định khi tham gia giao thông.</p>	<p>- Một số quy định giao thông. - Những hậu quả nguy hiểm khi không thực hiện quy định về ATGT.</p>
<p><b>PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</b></p>	
<p><b>*. Khám phá khoa học:</b></p>	
<p><b>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.</b></p>	
<p><b>MT46:</b> Trẻ thể hiện một số hiểu biết về các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể con người.</p>	<p>- Biết và hiểu được chức năng các giác quan và một số bộ phận trên cơ thể con người.</p>
<p><b>MT47:</b> Trẻ gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung (CS92)</p>	<p>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả . - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu thông qua hoạt động trải nghiệm</p>
<p><b>MT48:</b> Trẻ nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật (CS93)</p>	<p>- Gọi tên cho từng giai đoạn phát triển của cây/ con vật/ hoa quả thể hiện trên tranh. - Nhận ra sự sắp xếp những tranh ảnh đó theo trình tự phát triển.</p>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây, hoa quả và các hiện tượng tự nhiên với môi trường sống.</li> <li>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>MT49:</b> Trẻ biết phân loại một số đồ thông thường theo chất liệu, công dụng (CS96)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.</li> <li>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>MT50:</b> Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm, công dụng, nơi hoạt động của một số phương tiện giao thông.</li> <li>- So sánh sự giống nhau, khác nhau của các phương tiện giao thông.</li> <li>- Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.</li> </ul>
<b>MT51:</b> Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống (CS94)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm.</li> <li>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa, thứ tự các mùa.</li> <li>- So sánh được sự giống và khác nhau giữa các mùa.</li> <li>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</li> </ul>
<b>MT52:</b> Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo</li> <li>- Giải thích dự đoán của mình</li> <li><b>-Nhận biết tên gọi, đặc điểm, nguyên nhân của một số hiện tượng tự nhiên đơn giản thường gặp: mưa, gió, sấm, sét...</b></li> </ul>
<b>MT53:</b> Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức cho trẻ thảo luận, trò chuyện đàm thoại theo chủ đề.</li> <li>- Khuyến khích trẻ đặt câu hỏi cho cô và các bạn.</li> </ul>
<b>MT54:</b> Trẻ thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (CS113)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</li> <li>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.</li> <li>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số đặc điểm, tính chất của nước thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.</li> </ul>
<b>MT55:</b> Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (CS114).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sắp xếp các sự vật, hiện tượng theo đúng mối quan hệ nguyên nhân, kết quả.</li> <li>- Trẻ biết tìm ra nguyên nhân của một số hiện tượng tự nhiên, đơn giản trong cuộc sống.</li> <li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</li> </ul>
<b>MT56:</b> Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại (CS115).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận ra được các điểm khác biệt đặc trưng của một đối tượng so với các đối tượng khác trong cùng nhóm.</li> <li>- Tách đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại và giải thích lý do.</li> </ul>
<b>MT57:</b> Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng: “nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”; vòng tuần hoàn của nước...</li> </ul>
<b>MT58:</b> Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu của các con vật.</li> <li>- Chơi các trò chơi vận động; biểu diễn âm nhạc; vẽ về các con vật, đồ vật, phương tiện...</li> </ul>
<b>MT174:</b> Trẻ có một số hiểu biết về thực hiện an toàn giao thông.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số quy định giao thông.</li> <li>- Ký hiệu, biển báo giao thông.</li> <li>- Quy định khi ngồi trên các phương tiện giao thông.</li> <li>- Thực hành tham gia giao thông thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>MT175:</b> Trẻ thích khám phá những sự vật, hiện tượng, những vấn đề... thông qua thực hành- trải nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khám phá sự vật, hiện tượng, vấn đề... theo quy trình 5E.</li> </ul>
<b>MT176:</b> Trẻ biết sáng chế, chế tạo sản phẩm theo quy trình khoa học.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu sự vật, hiện tượng, vấn đề ... dưới cái nhìn khoa học.</li> </ul>

	- <b>Chế tạo sản phẩm theo dự án và quy trình EDP.</b>
<b>* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>	
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng.</b>	
<b>MT59:</b> Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (CS104)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các nhóm đối tượng trong phạm vi 10.</li> <li>- Đọc các chữ số từ 1 – 10 và chữ số 0.</li> <li>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được.</li> <li>- Nhận biết được các số từ 1 – 10 và ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. (Số nhà, số điện thoại, biển số xe...)</li> </ul>
<b>MT60:</b> Trẻ biết tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm. (CS105)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh số lượng hai nhóm.</li> <li>- Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, đếm và nói kết quả.</li> </ul>
<b>MT61:</b> Trẻ biết so sánh các đối tượng về kích thước và sử dụng, hiểu và sử dụng đúng các từ biểu đạt sự so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh nhóm 3 đối tượng có kích thước giống nhau và sử dụng được các từ: to nhất- nhỏ hơn- nhỏ nhất; cao nhất- thấp hơn- thấp nhất; rộng nhất- hẹp hơn- hẹp nhất; dài nhất- ngắn hơn- ngắn nhất.</li> <li>- So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng và sử dụng được các từ: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.</li> </ul>
<b>2. Sắp xếp theo quy tắc</b>	
<b>MT62:</b> Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc (CS116)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghép được thành cặp những đối tượng có mối liên quan.</li> <li>- Nhận biết và gọi tên được một số quy tắc sắp xếp đơn giản với 4 đối tượng trong 1 chu kỳ.</li> <li>- Sắp xếp thành thạo theo mẫu hoặc theo yêu cầu của cô.</li> <li>- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sao chép lại thông qua hoạt động trải nghiệm</li> </ul>
<b>MT63:</b> Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Trẻ biết sáng tạo ra quy tắc sắp xếp theo ý của trẻ và tiếp tục sắp xếp.
<b>3. So sánh hai đối tượng</b>	



<b>MT64:</b> Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo (CS106)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết đặt thước đo liên tiếp.</li> <li>- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau.</li> <li>- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt đúng kết quả đo .</li> </ul>
<b>MT65:</b> Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ để đong, đo dung tích và so sánh, nói kết quả đo.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> </ul>
<b>4. Nhận biết hình dạng</b>	
<b>MT66:</b> Trẻ Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu (CS107)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan sát, nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận ra các khối trong thực tế.</li> <li>- So sánh các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ.</li> </ul>
<b>MT67:</b> Trẻ biết chắp ghép các hình học để tạo thành các hình mới theo yêu cầu.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh các hình.</li> <li>- Tạo ra một số hình hình học bằng cách khác nhau.</li> </ul>
<b>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</b>	
<b>MT68:</b> Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác (CS108)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định vị trí trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái của một vật so với bản thân.</li> <li>- Xác định vị trí trong ngoài, trên, dưới, trước, sau, , phải, trái của một vật so với bạn khác, với một vật khác làm chuẩn.</li> </ul>
<b>MT69:</b> Trẻ gọi đúng tên các ngày trong tuần theo thứ tự (CS109).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được số lượng ngày trong tuần theo thứ tự.</li> <li>- Nói được trong tuần có những ngày nào đi học, ngày nào nghỉ ở nhà...</li> </ul>
<b>MT70:</b> Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày (CS110)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.</li> <li>- Sắp xếp các sự kiện đã, đang và sẽ xảy ra theo trình tự thời gian tương ứng: hôm qua, hôm nay, ngày mai.</li> <li>- Kể tên các sự kiện hàng ngày và sắp xếp theo trình tự diễn biến thời gian.</li> </ul>
<b>MT71:</b> Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần và các mùa trong năm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi tên các thứ trong tuần.</li> <li>- Kể tên các sự kiện thường xảy ra vào các thứ trong tuần.</li> <li>- Gọi tên các mùa trong năm.</li> <li>- Nhận biết thứ tự các mùa.</li> </ul>
<b>MT72:</b> Nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (CS111)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và nói ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (Ví dụ : Bây giờ là 2 giờ/ 3 giờ...)</li> <li>- Nhận biết và đọc các chữ số trên lịch và</li> </ul>

	<p>đồng hồ trong phạm vi từ 1-10.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được ý nghĩa của các con số trên lịch và đồng hồ dùng để chỉ ngày và chỉ giờ.</li> </ul>
<b>MT177: Trẻ thích làm quen với các biểu tượng toán sơ đẳng thông qua các hoạt động trải nghiệm.</b>	<b>- Làm quen với các khái niệm sơ đẳng về toán thông qua các hoạt động trải nghiệm.</b>
<b>* Khám phá xã hội:</b>	
<b>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</b>	
<b>MT73:</b> Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.</li> </ul>
<b>MT74:</b> Trẻ nói được tên, tuổi, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các thành viên trong gia đình</li> <li>- Nghề nghiệp của bố mẹ</li> <li>- Sở thích của các thành viên trong gia đình</li> <li>- Quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn)</li> <li>- Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình</li> </ul>
<b>MT75:</b> Trẻ nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ gia đình, số điện thoại của bố mẹ, gia đình.</li> </ul>
<b>MT76:</b> Trẻ nói được tên, mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ, những đặc điểm nổi bật của trường mầm non.</li> <li>- Các hoạt động của trẻ ở trường.</li> </ul>
<b>MT77:</b> Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên cô giáo và các cô, bác nhân viên</li> <li>- Các hoạt động, công việc của các cô các bác trong trường.</li> </ul>
<b>MT78:</b> Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp.</li> </ul>
<b>MT79:</b> Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống (CS97)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể tên những địa điểm công cộng nơi trẻ sống: chợ, khu vui chơi, công viên, nhà văn hóa...</li> <li>- Lợi ích của những địa điểm công cộng.</li> <li>- Những dịch vụ ở những địa điểm công cộng.</li> </ul>
<b>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.</b>	
<b>MT80:</b> Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống (CS98)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.</li> <li>- Biết đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.</li> </ul>
<b>3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</b>	

<p><b>MT81:</b> Trẻ có thể kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.</p>	<p>- Tên một số lễ hội truyền thống: lễ hội Tiên Công, lễ hội xuống đồng, lễ hội Bạch Đằng, ngày Quốc Khánh 2/9... - Một số hoạt động nổi bật của các ngày lễ hội: rước người, treo cờ...</p>
<p><b>MT82:</b> Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.</p>	<p>- Tên gọi, đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước. - Nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử...</p>
<p><b>PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</b></p>	
<p><b>1. Nghe hiểu lời nói</b></p>	
<p><b>MT83:</b> Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi (CS61)</p>	<p>- Nhận ra thái độ khác nhau (Âu yếm, vui vẻ hoặc cáu giận) của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của lời nói. - Nhận ra đặc điểm tính cách nhân vật qua sắc thái, ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện. - Biết sử dụng giọng điệu của các nhân vật khác nhau khi kể lại chuyện hoặc kể lại các sự kiện. - Thể hiện được cảm xúc của bản thân qua ngữ điệu của lời nói.</p>
<p><b>MT84:</b> Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động; (CS62)</p>	<p>- Hiểu được những lời nói, chỉ dẫn của giáo viên, hiểu những câu phức tạp. Phản ứng lại bằng những hành động phản hồi tương ứng. - Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu liên tiếp. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát. Nghe và thực hiện theo quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp. (Giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe).</p>
<p><b>MT85:</b> Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi; (CS63)</p>	<p>- Hiểu các từ khái quát (Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng) và từ trái nghĩa.</p>
<p><b>MT86:</b> Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (CS64)</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p>

<p><b>MT87:</b> Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp. (CS74)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm chú lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt nói.</li> <li>- Trả lời câu hỏi và đáp lại bằng cử chỉ, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh như dấu hiệu của sự hiểu biết.</li> <li>- Có thể lắng nghe người khác kể chuyện một cách chăm chú và yên lặng trong khoảng một thời gian.</li> </ul>
<p><b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b></p>	
<p><b>MT88:</b> Trẻ nói rõ ràng (CS65)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm đúng và rõ ràng những điều muốn nói để người khác có thể hiểu được.</li> <li>- Sử dụng lời nói dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.</li> <li>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</li> </ul>
<p><b>MT89:</b> Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày (CS66)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các từ biểu cảm thể hiện nét mặt, cử chỉ phù hợp yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. Sử dụng các loại từ danh từ, động từ, tính từ, trạng từ thông dụng.</li> <li>- Biết sử dụng từ ngữ phù hợp (Từ biểu cảm, hình tượng...) để trò chuyện, thảo luận, nhận xét.</li> <li>- Đặt và trả lời các câu hỏi nguyên nhân, tại sao ? Do đâu mà có ? Như thế nào? Làm bằng gì?</li> </ul>
<p><b>MT90:</b> Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp (CS67)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng câu đơn, câu phức, câu khẳng định, phủ định, nghi vấn, mệnh lệnh phù hợp với ngữ cảnh để diễn đạt trong giao tiếp với người khác.</li> </ul>
<p><b>MT91:</b> Trẻ biết Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân; (CS68)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng lời nói để diễn đạt cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;</li> <li>- Kết hợp cử chỉ cơ thể để diễn đạt một cách phù hợp (cười, cau mày...), những cử chỉ đơn giản (vỗ tay, gật đầu...) để diễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân khi giao tiếp.</li> </ul>
<p><b>MT92:</b> Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động (CS69)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng lời nói để hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, hoạt động học và trao đổi thường ngày.</li> <li>- Biết sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập quan hệ hợp tác với bạn bè.</li> </ul>

<p><b>MT93:</b> Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được (CS70)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại đầy đủ tình tiết, sự việc theo trình tự logic nhất định.</li> <li>- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, sự vật, con người mà trẻ biết hoặc nhìn thấy.</li> <li>- Kể một câu chuyện về sự việc đã diễn ra gần gũi, xung quanh.</li> </ul>
<p><b>MT94:</b> Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện tranh đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho nghe</li> <li>- Lời kể rõ ràng, thể hiện cảm xúc qua lời kể và cử chỉ, nét mặt</li> <li>- Hiểu được các yếu tố của một câu chuyện, các nhân vật, thời gian, địa điểm, phân kết thúc và nói được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc truyện đó.</li> <li>- Thích thú sáng tạo truyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.</li> </ul>
<p><b>MT95:</b> Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (CS72)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động dùng lời nói để chào hỏi, bắt đầu câu chuyện với mọi người.</li> <li>- Trò chuyện với bạn bè hoặc người lớn bằng nhiều cách khác nhau.</li> </ul>
<p><b>MT96:</b> Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp; (CS73)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với đối tượng người nghe (người lớn, bạn bè, em bé...)</li> <li>- Điều chỉnh phù hợp với tình huống và cảm xúc, nhu cầu giao tiếp.</li> </ul>
<p><b>MT97:</b> Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mắt người nói.</li> <li>- Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt để người nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói</li> </ul>
<p><b>MT98:</b> Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (CS75)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.</li> <li>- Không nói chen vào khi người khác đang nói lời người khác...</li> <li>- Tôn trọng người nói bằng việc lắng nghe, hoặc đặt các câu hỏi, nói ý kiến của mình khi họ đã nói xong.</li> </ul>
<p><b>MT99:</b> Trẻ biết Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (CS77)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người: tạm biệt. Xin chào, xin lỗi, cảm ơn.... Phù hợp với tình huống.</li> <li>- Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.</li> </ul>

<b>MT100:</b> Không nói tục, chửi bậy	- Hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp.
<b>MT101:</b> Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè theo chủ đề và thể hiện sự diễn cảm theo nội dung, tiết tấu của bài thơ, ca dao, đồng dao...
<b>MT102:</b> Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS85)	- Nhìn vào tranh vẽ trong sách truyện trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa. - Nói được thứ tự của sự việc từ truyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện.
<b>MT103:</b> Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau. (CS120)	- Biết kể chuyện theo tranh. - Ôn lại những câu chuyện quen thuộc trẻ đã biết, có thể đặt tên mới/ mở đầu/ tiếp tục/ kết thúc câu chuyện theo các cách khác nhau.
<b>MT104:</b> Trẻ có thể đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch theo câu chuyện có sẵn. - Đóng kịch theo câu chuyện tự sáng tạo. - <b>Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.</b>
<b>MT178:</b> Trẻ biết kể chuyện sáng tạo.	- <b>Đoán tình tiết tiếp theo của câu chuyện.</b> - <b>Sáng tạo đoạn kết của câu chuyện.</b> - <b>Sáng tạo câu chuyện mới.</b> - <b>Đặt tên khác cho truyện.</b>
<b>3. Làm quen với việc đọc - viết</b>	
<b>MT105:</b> Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách thông qua hoạt động trải nghiệm.
<b>MT106:</b> Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh (CS79)	- Thích tham gia vào hoạt động nghe cô đọc sách Hỏi người lớn hoặc bạn bè những chữ chưa biết. - Thường xuyên chơi ở góc học tập, tìm kiếm sách. - Đọc các chữ cái xung quanh lớp, đọc truyện qua tranh vẽ. - Nhận dạng và phát âm các chữ cái về lễ hội, ngày tết....
<b>MT107:</b> Thể hiện sự thích thú với sách (CS80)	- Thích chơi ở góc sách - Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện. - Tìm sách truyện để xem ở mọi lúc, mọi nơi - Nhờ người lớn đọc những câu chuyện trong sách cho nghe hoặc nhờ người lớn giải

	<p>thích những tranh, những chữ chưa biết</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra tên những cuốn sách truyện đã xem</li> </ul>
<p><b>MT108:</b> Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách (CS81)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Để sách đúng nơi qui định.</li> <li>- Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách.</li> <li>- Có thái độ tốt đối với sách (Buồn không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách)</li> </ul>
<p><b>MT109:</b> Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (CS82)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giáo thông...)</li> <li>- Nhận biết được các kí hiệu về đồ dùng của trẻ: khăn mặt, tủ đựng đồ; các kí hiệu khác như: kí hiệu về thời tiết, kí hiệu góc chơi,....</li> <li>- Biết được ký hiệu về thời tiết</li> <li>- Nhận biết các nhãn hàng hóa.</li> </ul>
<p><b>MT110:</b> Có một số hành vi như người đọc sách (CS83)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm sách, lật giở từng trang sách từ trái qua phải, đọc, đưa mắt hoặc tay chỉ theo chữ từ trái qua phải, trên xuống dưới,</li> <li>- Nhận biết cấu tạo của một cuốn sách quen thuộc: bìa sách, trang sách, vị trí tên sách, vị trí tên tác giả, bắt đầu và kết thúc của một câu chuyện trong sách.</li> <li>- Biết nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều.</li> </ul>
<p><b>MT111:</b> Trẻ “Đọc” theo truyện tranh đã biết (CS84)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa và “đọc” thành tiếng (theo trí nhớ) để “đọc” thành một câu chuyện với nội dung phù hợp với từng tranh minh họa</li> <li>- Có hành vi tự kể chuyện theo sách truyện đã được nghe đọc.</li> </ul>
<p><b>MT112:</b> Biết kể chuyện theo tranh (CS85)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sắp xếp theo trình tự một bộ tranh liên hoàn của câu chuyện</li> <li>- Tập kể thành một câu chuyện có bắt đầu, diễn biến và kết thúc một cách hợp lý, có lôgic</li> </ul>
<p><b>MT113:</b> Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói (CS86)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu được rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, kí hiệu... để thay thế cho lời nói.</li> <li>- Hiểu được chữ viết có ý nghĩa gì đấy, con người sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau.</li> <li>- Hiểu rằng chữ viết thể hiện các từ, câu của lời nói có thể viết được bằng ký hiệu chữ viết</li> </ul>

<p><b>MT114:</b> Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (CS87)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay những biểu tượng đơn giản, trẻ sẵn sàng chia sẻ với người khác.</li> <li>- Biết sử dụng những biểu tượng, ký tự, chữ, từ...do mình tạo ra hay sao chép lại những biểu tượng cảm xúc, suy nghĩ, ý muốn, kinh nghiệm của bản thân.</li> <li>- “Đọc” lại được những ý mình đã “viết” ra</li> </ul>
<p><b>MT115:</b> Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái (CS88)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm bút ngòi để viết</li> <li>- Sao chép các từ theo trật tự</li> <li>- Sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các các dòng giống chữ viết để biểu đạt ý tưởng hay một thông tin nào đấy. Nói cho người khác biết ý nghĩa của các dòng mình đã “viết”</li> </ul>
<p><b>MT116:</b> Trẻ Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình (CS89)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sao chép lại tên của bản thân</li> <li>- Nhận biết tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ</li> <li>-Tập viết tên của mình phía dưới tranh vẽ theo cách mà mình thích</li> </ul>
<p><b>MT117:</b> Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới (CS90)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với cách viết tiếng việt: Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới</li> </ul>
<p><b>MT118:</b> Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (CS91)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận dạng các chữ cái viết thường hoặc viết hoa và phát âm đúng các âm của các chữ cái đã được học.</li> <li>- Phân biệt chữ cái, chữ số</li> </ul>
<p><b>PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI</b></p> <p><b>1.Thể hiện ý thức về bản thân</b></p>	
<p><b>MT119:</b> Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình (CS27)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được những thông tin cơ bản của cá nhân và gia đình như:</li> <li>+ Tên, tuổi, giới tính, sở thích, tên các thành viên trong gia đình.</li> <li>+ Địa chỉ nhà (số nhà, tên khu phố).</li> <li>+ Số điện thoại của gia đình hoặc Bố, Mẹ (nếu có).</li> <li>+ Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</li> <li>+ Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.</li> </ul>
<p><b>MT120:</b> Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vâng lời ông bà, bố mẹ, cô giáo và người lớn.</li> </ul>



	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động giúp đỡ ông bà, bố mẹ, cô giáo... những việc vừa sức.</li> </ul>
<b>MT121:</b> Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân (CS28)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số hành vi ứng xử cần có, sở thích có thể khác nhau giữa bạn trai và bạn gái,</li> <li>- Thể hiện các hành vi ứng xử phù hợp: lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính, gãi ngồi khép chân khi mặc váy (trẻ gái), không thay quần áo nơi đông người; mạnh mẽ, sẵn sàng giúp đỡ bạn gái khi bung, bê đồ vật nặng ...</li> </ul>
<b>MT122:</b> Trẻ Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân (CS29)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho trẻ nói về những điều trẻ thích, không thích, những việc trẻ làm được, không làm được.</li> </ul>
<b>MT123:</b> Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân (CS58)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số khả năng của bạn bè, người gần gũi,</li> <li>- Nói về một số sở thích của bạn bè và người thân.</li> </ul>
<b>MT124:</b> Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình (CS59)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gọi được tên và chấp nhận các sở thích giống và khác nhau của mình với người khác.</li> </ul>
<b>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực.</b>	
<b>MT125:</b> Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân (CS30)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất trò chơi, công việc, mong muốn của bản thân trong các hoạt động.</li> <li>- Nêu ý kiến của bản thân trong các tình huống người lớn đặt ra.</li> <li>- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).</li> <li>- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.</li> <li>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến</li> </ul>
<b>MT126:</b> Cố gắng thực hiện công việc đến cùng (CS31)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vui vẻ nhận công việc được giao mà không lưỡng lự hoặc tìm cách từ chối.</li> <li>- Nhanh chóng triển khai công việc.</li> <li>- Không tỏ ra phân tán, chán nản trong quá trình thực hiện hoặc bỏ dở công việc.</li> <li>- Hoàn thành công việc được giao.</li> </ul>
<b>MT127:</b> Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (CS32)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có biểu hiện, một trong những dấu hiệu:</li> <li>+ Khi làm xong một sản phẩm, trẻ tỏ ra phấn khởi, ngắm ngía, nâng niu, vuốt ve.</li> <li>+ Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác.</li> <li>+ Cát cẩn thận sản phẩm</li> </ul>

<p><b>MT128:</b> Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày (CS33)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự thực hiện hoạt động mà không cần nhắc nhở của người lớn:</li> <li>+ Tự cất dọn đồ chơi sau khi chơi.</li> <li>+ Tự rửa tay trước khi ăn.</li> <li>+ Tự chuẩn bị đồ dùng/ đồ chơi cần thiết cho hoạt động.</li> <li>+ Tự xem bảng phân công trực nhật và thực hiện cùng các bạn.</li> </ul>
<p><b>MT129:</b> Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (CS34)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ ý kiến của bản thân</li> </ul>
<p><b>MT130:</b> Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi (CS42)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia vào hoạt động nhóm.</li> <li>- Chơi trong nhóm bạn vui vẻ thoải mái.</li> </ul>
<p><b>MT131:</b> Trẻ Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (CS43)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trò chuyện với bạn bè và người lớn gần gũi.</li> </ul>
<p><b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.</b></p>	
<p><b>MT132:</b> Trẻ Nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác (CS35)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác của người khác qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.</li> </ul>
<p><b>MT133:</b> Trẻ biết bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt (CS36)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộc lộ cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt.</li> </ul>
<p><b>MT134:</b> Trẻ biết thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè (CS37)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</li> <li>- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.</li> </ul>
<p><b>MT135:</b> Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS38)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm các bản nhạc, bài hát và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên và tác phẩm nghệ thuật.</li> </ul>
<p><b>MT136:</b> Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc (CS39)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chăm sóc cây tưới nước, lau lá, nhổ cỏ cho cây thông qua hoạt động trải nghiệm.</li> <li>- Chăm sóc con vật: cho con vật thân thuộc ăn</li> </ul>
<p><b>MT137:</b> Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra hình ảnh của Bác Hồ qua tranh ảnh và một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác (chỗ ở, nơi làm việc, nơi yên nghỉ...)</li> </ul>
<p><b>MT138:</b> Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, kể chuyện về Bác.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể hiện tình cảm kính yêu Bác Hồ qua hát các bài hát, kể chuyện, đọc thơ về Bác.</li> </ul>

<b>MT139:</b> Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích văn hóa của địa phương, quê hương, đất nước.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</li> <li>- Tự hào về những cảnh đẹp, di tích văn hóa của quê hương, đất nước.</li> </ul>
<b>MT140:</b> Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (CS40)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết hành vi, thái độ cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.</li> </ul>
<b>MT141:</b> Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích (CS41)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết cảm xúc và những hành vi tiêu cực khi được người khác giải thích, an ủi, chia sẻ</li> <li>- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè, người thân.</li> </ul>
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>	
<b>MT142:</b> Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, muốn đi chơi phải xin phép.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số quy định ở lớp: sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, trật tự khi ăn, khi ngủ;</li> <li>- Một số quy định ở gia đình: vâng lời ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, muốn đi chơi phải xin phép;</li> <li>- Một số quy định nơi công cộng: không làm ồn nơi công cộng; đi bên phải lề đường.</li> </ul>
<b>MT143:</b> Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi (CS44)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể chuyện cho bạn nghe về vui buồn của mình.</li> <li>- Trao đổi hướng dẫn bạn cùng nhóm.</li> <li>- Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn</li> </ul>
<b>MT144:</b> Trẻ có ý thức Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn (CS45)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn</li> </ul>
<b>MT145:</b> Trẻ Có nhóm bạn chơi thường xuyên (CS46)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có ít nhất 2 bạn chơi với nhau.</li> <li>- Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động.</li> </ul>
<b>MT146:</b> Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động (CS47)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động, không chen ngang xô đẩy người khác, không nói tranh lời bạn khi trò chuyện, thảo luận nhóm.</li> </ul>
<b>MT147:</b> Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác (CS48)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe ý kiến của bạn. (Nhìn vào mắt bạn khi giao tiếp, không cắt ngang lời khi bạn đang nói)</li> <li>- Mạnh dạn tự tin, chia sẻ suy nghĩ, chờ đến lượt trao đổi bổ sung ý kiến với bạn khi giao tiếp.</li> <li>- Chấp nhận sự khác nhau giữa các ý kiến và cùng nhau thống nhất để cùng thực hiện.</li> </ul>

<p><b>MT148:</b> Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn (CS49)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan tâm chia sẻ, giúp đỡ bạn. Thể hiện sự thân thiện hòa đồng, gần gũi, đoàn kết tương trợ bạn bè. Không đánh bạn, tranh giành đồ chơi của bạn, không ăn vạ khi xảy ra mâu thuẫn, trẻ biết dùng nhiều cách để giải quyết vấn đề: Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người lớn thỏa hiệp.</li> </ul>
<p><b>MT149:</b> Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè (CS50)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi xảy ra chuyện bất đồng ý kiến hoặc tranh giành nhau, trẻ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn (Trước tiên là dùng lời, sau đó là nhờ sự can thiệp của người khác hoặc chấp nhận sự thỏa hiệp)</li> <li>+ Không đánh bạn, không dành giật của bạn không la hét hoặc nằm ăn vạ.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>MT150:</b> Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn (CS51).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham gia vào tổ chức các sự kiện của nhóm</li> <li>- Nhận và thực hiện phân vai của mình trong trò chơi cùng nhóm.</li> </ul>
<p><b>MT151:</b> Trẻ biết sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác (CS52)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.</li> </ul>
<p><b>MT152:</b> Trẻ biết nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác (CS53)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mô tả được ảnh hưởng hành động của mình đến tình cảm và hành động của người khác.</li> <li>- Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của bạn khác ví dụ: Con cho bạn ấy con khủng long vì con thấy bạn ấy buồn</li> <li>- Đoán được hành vi của mình hoặc của người khác sẽ gây ra phản ứng như thế nào.</li> </ul>
<p><b>MT153:</b> Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;(CS54)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chào cô, bố mẹ khi tới lớp, về nhà biết chào hỏi mọi người trong gia đình</li> <li>- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn tuổi</li> <li>- Cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà và xưng hô lễ phép với người lớn.</li> <li>- Xin lỗi khi mắc lỗi với người khác.</li> </ul>
<p><b>MT154:</b> Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết (CS55)</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị người lớn hoặc bạn giúp đỡ khi gặp khó khăn</li> <li>- Biết tìm sự hỗ trợ từ những người lớn trong cộng đồng (Cô giáo, bác bảo vệ, bác hàng xóm...)</li> <li>- Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần đến sự giúp đỡ của người lớn</li> </ul>

	- Hồi người lớn trước khi vi phạm các quy định chung
<b>MT155:</b> Trẻ biết quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn (CS60)	- Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. - Bảo vệ bạn khi bị bắt nạt
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>	
<b>MT156:</b> Trẻ biết nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (CS56)	- Nhận biết được hành vi đúng/sai của mọi người trong ứng xử với môi trường xung quanh - ảnh hưởng của hành vi đúng hoặc sai: Vứt rác ra đường là sai vì gây ô nhiễm môi trường, như vậy sẽ có hại cho sức khỏe của mọi người.
<b>MT157:</b> Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày (CS57)	- Bỏ rác đúng nơi quy định, cất đồ chơi đúng nơi ngăn nắp sau khi chơi, sắp xếp đồ dùng gọn gàng, tham gia quét, lau chùi nhà cửa; - Sử dụng tiết kiệm điện, nước: tắt điện khi ra khỏi phòng; sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt - Chăm sóc cây trồng, bảo vệ vật nuôi - Thể hiện thái độ của mình trước những hành vi của mọi người đối với môi trường như vứt rác bừa bãi, xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. - Giữ gìn vệ sinh môi trường trong lớp, ngoài lớp, ngoài đường thông qua hoạt động trải nghiệm.
<b>MT179:</b> Biết thể hiện tình cảm với những người xung quanh trẻ	- <b>Thể hiện tình cảm với cô giáo</b> - <b>Thể hiện tình cảm, sự quan tâm với Bà, Mẹ</b>
<b>PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</b>	
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.</b>	
<b>MT158:</b> Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thái độ tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.

<p><b>MT159:</b> Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>	<p>- Nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>
<p><b>MT160:</b> Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.</p>	<p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.</p>
<p><b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</b></p>	
<p><b>MT161:</b> Trẻ nhận ra sắc thái (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc. (CS99).</p>	<p>- Tổ chức cho trẻ nghe các bài hát, bản nhạc trong chủ đề có giai điệu khác nhau. - Nghe các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.</p>
<p><b>MT162:</b> Trẻ hát đúng giai điệu bài hát dành cho các bé mầm non. (CS100).</p>	<p>- Hướng dẫn trẻ nghe và hát đúng giai điệu bài hát. - Nhận xét về giai điệu của bài hát, các bản nhạc trong chủ đề. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Đặt lời theo giai điệu, lời bài hát, bản nhạc quen thuộc (Có thể một câu hoặc một đoạn)</p>
<p><b>MT163:</b> Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (CS101).</p>	<p>- Hướng dẫn trẻ cảm nhận nhịp điệu nhanh, chậm của một số bài hát, bản nhạc trong chủ đề. - Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc (Tán thưởng, bắt chước âm thanh, sử dụng các từ gợi cảm...) nói lên cảm xúc của mình. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài, bản nhạc yêu thích. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp).</p>
<p><b>MT164:</b> Trẻ có thể đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen</p>	<p>- Biết dựa vào chức năng, đặc điểm, công dụng của các đồ vật, nội dung tranh ảnh, bài</p>

thuộc (Một câu hoặc một đoạn) (CS117)	<p>hát đã có đề sáng tạo ra tên gọi cho bài hát hoặc câu chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến khích trẻ sáng tạo ra các tên gọi hay, hấp dẫn, phù hợp</li> </ul>
<b>MT165:</b> Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (CS102).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu tên gọi và công dụng của một số nguyên vật liệu.</li> <li>- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu mở phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.</li> <li>- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm đơn giản trong chủ đề.</li> </ul>
<b>MT166:</b> Trẻ biết tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ (CS6)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cầm bút đúng bằng ngón trỏ và ngón cái, đỡ bút bằng ngón giữa.</li> <li>- Tô màu đều, không chờm ra ngoài hình vẽ.</li> <li>- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.</li> </ul>
<b>MT167:</b> Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản (CS7)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cắt được hình không bị rách.</li> <li>- Đường cắt lượn sát nét vẽ. (Cắt đường vòng cung)</li> </ul>
<b>MT168:</b> Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. (CS8)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách bôi hồ đều, vừa phải.</li> <li>- Các chi tiết không chồng lên nhau.</li> <li>- Dán hình vào bức tranh phẳng phiu.</li> </ul>
<b>MT169:</b> Trẻ biết phối hợp các kỹ năng tạo hình khác nhau để tạo thành sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp các kỹ năng: vẽ, nặn, xé dán, cắt dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét và bố cục.</li> </ul>
<b>MT170:</b> Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình. (CS103)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục.</li> <li>- Khuyến khích trẻ sáng tạo ra các tên gọi hay, hấp dẫn phù hợp với sản phẩm của trẻ.</li> <li>- Sáng tạo và nêu lên ý tưởng về thực hiện các công việc theo suy nghĩ và tạo ra sản phẩm của mình.</li> </ul>
<b>MT171:</b> Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói được ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</li> <li>- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</li> </ul>
<b>MT180:</b> Trẻ biết biểu diễn văn nghệ theo chủ đề	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Biểu diễn các bài hát theo chủ đề và các bài hát trong CTGDMN. Phối hợp cùng các loại nhạc cụ để biểu diễn.</b></li> </ul>

**MT181: Trẻ biết vẽ theo nhạc.**

- Nghe bản nhạc theo chủ đề, theo ý thích.  
- Thưởng thức âm nhạc.  
- Vẽ theo nhạc theo cao độ, trường độ, theo ý thích, theo yêu cầu.

## **V. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC VÀ TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC**

### **1. Các hoạt động giáo dục**

#### **a. Nhà trẻ**

##### **(1). Hoạt động giao lưu cảm xúc**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu gắn bó của trẻ với người thân, tạo cảm xúc hơn hởi, luyện tập và phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ dưới 12 tháng tuổi.

##### **(2). Hoạt động với đồ vật**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

##### **(3). Hoạt động chơi**

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

##### **(4). Hoạt động chơi - tập có chủ định**

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

##### **(5). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sáng khoái, vui vẻ.

#### **b. Mẫu giáo**

##### **(1). Hoạt động chơi**

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.



- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

### **(2). Hoạt động học**

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

### **(3). Hoạt động lao động**

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

### **(4). Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

## **2. Hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục**

### **a. Nhà trẻ**

#### **(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

#### **(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

#### **(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

### **b. Mẫu giáo**

#### **(1). Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

**(2). Theo vị trí không gian, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

**(3). Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

**3. Phương pháp giáo dục**

**a. Nhà trẻ**

**(1). Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm**

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

**(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa**

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

**(3). Nhóm phương pháp thực hành**

*a) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi*

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

*b) Trò chơi*

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

*c) Luyện tập*

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

**(4). Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)**

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

### **(5). Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương**

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

#### ***b. Mẫu giáo***

### **(1). Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm**

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

### **(2). Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)**

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

### **(3). Nhóm phương pháp dùng lời nói**

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ

ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

#### **(4). Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ**

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

#### **5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá**

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

#### **4. Tổ chức môi trường giáo dục**

##### **a. Nhà trẻ**

##### **(1). Môi trường vật chất**

###### *a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp*

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ dưới 12 tháng tuổi có khu vực đủ rộng cho trẻ trườn, bò, đi men và chơi với các đồ chơi phát triển các giác quan, các thiết bị đồ chơi cho trẻ tập đi, tập vận động.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

###### *b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời*

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

##### **(2). Môi trường xã hội**

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

### ***b. Mẫu giáo***

#### **(1). Môi trường vật chất**

##### *a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp*

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

##### *b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:*

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

#### **(2). Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

### **5. Đánh giá sự phát triển của trẻ**

#### ***a. Nhà trẻ***

#### **ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

##### **(1). Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

## **(2). Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

## **(3). Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

## **ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

### **(1). Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

### **(2). Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

### **(3). Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

### **(4). Thời điểm và căn cứ đánh giá**

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

## **b. Mẫu giáo**

## **ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

### **(1) Mục đích đánh giá**

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

### **(2) Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

### **(3) Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

## **ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

### **(1). Mục đích đánh giá**

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

### **(2). Nội dung đánh giá**

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

### **(3). Phương pháp đánh giá**

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

#### (4). Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

### VI. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ/ THỜI GIAN THỰC HIỆN

#### 1. Nhà trẻ 24-36 tháng

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	Bé và các bạn	04	05/9/2024- 04/10/2024	Ngày hội đến trường, Tết trung thu
2	Đồ dùng đồ chơi của bé	04	07/10/2024 - 01/11/2024	
3	Các bác các cô trong nhà trẻ	04	04/11/2024 - 29/11/2024	Ngày nhà giáo VN
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	04	02/12/2024 - 27/12/2024	Ngày thành lập QĐNDVN
5	Tết và mùa xuân	04	30/12/2024 - 24/01/2025	Tết nguyên đán
	<b>Nghỉ tết nguyên đán</b>		<b>27/01/2025 - 08/02/2025</b>	Nghỉ tết nguyên đán
6	Những con vật đáng yêu	03	10/02/2025 - 28/02/2025	
7	Cây và những bông hoa đẹp.	03	03/03/2025 - 21/03/2025	Ngày hội của bà, mẹ
8	Bé có thể đi khắp nơi bằng phương tiện gì	03	24/03/2025 - 11/04/2025	
9	Mùa hè đến rồi	03	14/04/2025 - 02/05/2025	
10	Bé lên mẫu giáo	03	05/5/2025 - 23/05/2025	Ngày sinh nhật Bác Hồ
	<b>Cộng</b>	<b>35</b>		

#### 2. Độ tuổi 3-4 tuổi

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	Trường mầm non	04	05/09/2024- 04/10/2024	-Ngày hội đến trường của bé -Tết trung thu
2	Bản thân	04	07/10/2024 - 01/11/2024	



3	Gia đình bé	04	04/11/2024 - 29/11/2024	-Ngày nhà giáo VN
4	Nghề nghiệp	04	02/12/2024- 27/12/2024	-Ngày thành lập QĐND Việt Nam
5	Tết và mùa xuân	04	30/12/2024- 24/01/2025	-Tết nguyên đán
	<b>Nghỉ tết nguyên đán</b>		<b>27/01/2025-08/02/2025</b>	<b>-Nghỉ tết nguyên đán</b>
6	Thế giới động vật	03	10/02/2025 - 28/02/2025	
7	Thế giới thực vật	03	03/03/2025- 21/03/2025	-Ngày hội của bà, mẹ
8	Phương tiện và quy định giao thông	03	24/03/2025 - 11/04/2025	
9	Nước và HTTN	03	14/04/2025 - 02/05/2025	
10	Quê hương đất nước - Bác Hồ	03	05/05/2025 - 23/05/2025	-Ngày sinh nhật Bác Hồ -Tết thiếu nhi 1/6
	<b>Cộng</b>	<b>35 tuần</b>		

### 3. Độ tuổi 4-5 tuổi

TT	Tên chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Các sự kiện
1	Trường mầm non	04	05/09/2024- 04/10/2024	-Ngày hội đến trường của bé -Tết trung thu
2	Bản thân	04	07/10/2024 - 01/11/2024	
3	Gia đình bé	04	04/11/2024 - 29/11/2024	-Ngày nhà giáo VN
4	Nghề nghiệp	04	02/12/2024- 27/12/2024	-Ngày thành lập QĐND Việt Nam
5	Tết và mùa xuân	04	30/12/2024- 24/01/2025	-Tết nguyên đán
	<b>Nghỉ tết nguyên đán</b>		<b>27/01/2025-08/02/2025</b>	<b>-Nghỉ tết nguyên đán</b>

6	Thế giới động vật (những con vật gần gũi)	03	10/02/2025 - 28/02/2025	
7	Thế giới thực vật	03	03/03/2025- 21/03/2025	-Ngày hội của bà, mẹ
8	Phương tiện và quy định giao thông	03	24/03/2025 - 11/04/2025	
9	Nước và HTTN	03	14/04/2025 - 02/05/2025	
10	Quê hương đất nước - Bác Hồ	03	05/05/2025 - 23/05/2025	-Ngày sinh nhật Bác Hồ -Tết thiếu nhi 1/6
	<b>Cộng</b>	<b>35 tuần</b>		

#### 4. Độ tuổi 5-6 tuổi

<b>TT</b>	<b>Tên chủ đề</b>	<b>Số tuần</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Các sự kiện</b>
1	Trường mầm non	04	05/09/2024- 04/10/2024	-Ngày hội đến trường của bé -Tết trung thu
2	Bản thân	04	07/10/2024 - 01/11/2024	
3	Gia đình	04	04/11/2024 - 29/11/2024	-Ngày nhà giáo VN
4	Nghề nghiệp	04	02/12/2024- 27/12/2024	-Ngày thành lập QĐND Việt Nam
5	Thế giới thực vật	04	30/12/2024- 24/01/2025	-Tết nguyên đán
	<b>Nghỉ tết nguyên đán</b>		<b>27/01/2025-08/02/2025</b>	<b>-Nghỉ tết nguyên đán</b>
6	Thế giới động vật	03	10/02/2025 - 28/02/2025	
7	Phương tiện và quy định giao thông	03	03/03/2025- 21/03/2025	-Ngày hội của bà, mẹ
8	Nước và một số HTTN	03	24/03/2025 -	

			11/04/2025	
9	Quê hương đất nước –Bác Hồ	03	14/04/2025 - 02/05/2025	
10	Trường tiểu học	03	05/05/2025 - 23/05/2025	-Ngày sinh nhật Bác Hồ -Tết thiếu nhi 1/6
	<b>Cộng</b>	<b>35 tuần</b>		

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Đối với Hiệu Trưởng

- Phối hợp với Hội đồng nhà trường thực hiện biên soạn, xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trường và tổ chức thực hiện dựa trên Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non.

- Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường, giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại nhà trường.

- Điều chỉnh Kế hoạch giáo dục nhà trường khi cần thiết.

- Báo cáo kế hoạch thực hiện với phòng GD&ĐT.

- Chịu trách nhiệm trước cấp trên về kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch phát triển chương trình của nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại trường để thực hiện, công khai và tạo điều kiện để CMHS, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.

### 2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại nhà trường.

- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường khi cần thiết.

- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục nhà trường tới các tổ chuyên môn.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục theo năm học, chủ đề, tuần, ngày phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tiễn.

### 3. Đối với Tổ chuyên môn

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục tại nhà trường.

- Căn cứ vào Kế hoạch giáo dục nhà trường để xây dựng kế hoạch thực hiện theo năm học, chủ đề, tuần, ngày phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tiễn.

- Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có)

- Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

#### **4. Đối với giáo viên nhóm lớp**

- Tham mưu, phối hợp trong việc biên soạn và tổ chức thực hiện Kế hoạch giáo dục nhà trường

- Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

- Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

- Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường của trường Mầm non Đông Mai năm học 2024-2025. Đề nghị tất cả cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu và triển khai thực hiện kịp thời./.

#### ***Nơi nhận :***

- Phòng GDĐT (b/c);
- Hội đồng trường(p/d);
- Các tổ CM (t/h);
- Lưu VT-HSCM./.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Thị Hiên**



